

“SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”



VIỆT THẮNG
BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 21/11/2002, thay đổi lần thứ 06 ngày 09/09/2009)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định niêm yết số/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ
Chí Minh cấp ngày tháng năm 2010)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng

Lô 4-2, Khu Công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (84.67) 3764 159

Fax : (84.67) 3763 488

Email: vtf@vietthangfeed.com.vn

Website : www.vietthangfeed.com.vn

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax : (84.8) 3824 4259

Email: ssi@ssi.com.vn

Website : www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Huỳnh Văn Hoàng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: (84.67) 3764 159

ĐD: 0982 507 607

"SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẸM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP"



VIỆT THẮNG

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 21/11/2002, thay đổi lần thứ 06 ngày 09/09/2009)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định niêm yết số/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm 2010)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng

Lô 4-2, Khu Công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (84.67) 3764 159

Fax: (84.67) 3763 488

Email: vtf@vietthangfeed.com.vn

Website: www.vietthangfeed.com.vn

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax: (84.8) 3824 4259

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Huỳnh Văn Hoàng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: (84.67) 3764 159

ĐT: 0982 507 607

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 21/11/2002, thay đổi lần thứ 06 ngày 09/09/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	18.025.509 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	180.255.090.000 (Một trăm tám mươi tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ : 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : (84.8) 3824 2897 Fax : (84.8) 3824 7430
Email : ssi@ssi.com.vn Website : www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3936 6321 Fax : (84.4) 3936 6311
Email : ssi_hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại : (84.8) 38 272 295 Fax : (84.8) 3827 2298
Website : auditconsult.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro về kinh tế.....	1
2.	Rủi ro pháp luật	1
3.	Rủi ro ngành nghề.....	2
4.	Rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong năm 2010	3
5.	Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu.....	3
6.	Rủi ro khác	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
1.	Tổ chức niêm yết – Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.....	4
2.	Tổ chức tư vấn - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI).....	4
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	4
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	9
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	9
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty , danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông của Công ty	13
5.	Cơ cấu vốn cổ phần	14
6.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	14
7.	Hoạt động kinh doanh	14
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây.	25
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	27
10.	Chính sách đối với người lao động	31
11.	Chính sách cổ tức	32
12.	Tình hình hoạt động tài chính.....	32
13.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	36
14.	Tài sản.....	47
15.	Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong những năm tiếp theo và kế hoạch đầu tư	48
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	50
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	50
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	50
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	51

1.	Loại cổ phiếu	51
2.	Mệnh giá cổ phiếu	51
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết	51
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	51
5.	Phương pháp định giá.....	52
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	54
7.	Các loại thuế có liên quan	54
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	57
VII.	PHỤ LỤC	60

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.	Quá trình thay đổi vốn điều lệ	6
Bảng 2.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên	13
Bảng 3.	Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 17/05/2010	13
Bảng 4.	Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 17/05/2010	14
Bảng 5.	Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty	16
Bảng 6.	Quy trình sản xuất thức ăn	18
Bảng 7.	Cơ cấu chi phí theo yếu tố	20
Bảng 8.	Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	25
Bảng 9.	Kết quả hoạt động kinh doanh	26
Bảng 10.	Thị phần của Công ty tại một số thị trường chính	28
Bảng 11.	Các đối thủ cạnh tranh chính của Công ty	28
Bảng 12.	Thị trường tại một số tỉnh trong giai đoạn 2010-2012	29
Bảng 13.	Cơ cấu lao động	31
Bảng 14.	Tỷ lệ cổ tức qua các năm	32
Bảng 15.	Bảng trích lập các quỹ	33
Bảng 16.	Các khoản phải thu	33
Bảng 17.	Các khoản phải trả	33
Bảng 18.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	34
Bảng 19.	Danh sách HĐQT, BTGD, BKS, KTT	36
Bảng 20.	Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/03/2010	47
Bảng 21.	Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty	48
Bảng 22.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo	48
Bảng 23.	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	51

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

- Cùng với tốc độ tăng trưởng khá cao của nền kinh tế trong những năm gần đây, ngành thủy sản Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ (kim ngạch xuất khẩu năm 2007 là 3,75 tỷ USD, năm 2008 là 4,5 tỷ USD) và kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cả năm 2009 ước đạt 4,4 tỷ USD (Nguồn: VASEP Việt Nam). Nền kinh tế tăng trưởng tốt và ổn định sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước nói chung và Việt Thắng nói riêng có được môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, có thể thấy rằng trong năm 2009, các nền kinh tế lớn chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế là các thị trường xuất khẩu thủy sản chủ lực của Việt Nam. Điều đó khiến cho xuất khẩu thủy sản của ta giảm so với cùng kỳ, giá bán thấp, ảnh hưởng hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tính bền vững của xuất khẩu thủy sản. Mặt khác, trong thời gian qua tình hình lạm phát và suy thoái kinh tế cũng diễn biến khá phức tạp, do vậy nếu tình trạng lạm phát xảy ra liên tục ở mức độ cao, suy thoái kinh tế kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải liên tục đối phó với chi phí hoạt động ngày càng tăng, làm giảm khả năng sinh lời của Công ty.
- Trước tình hình khó khăn của thị trường thế giới, ngoài việc củng cố chất lượng sản phẩm, Công ty đã liên kết với các nhà máy đông lạnh lớn để tiêu thụ sản phẩm của Việt Thắng vì họ có vùng nuôi lớn. Trong năm 2009, Công ty đã đảm bảo sản lượng tiêu thụ tối thiểu đạt 80% công suất, từ đó dẫn đến chi phí hoạt động trên đầu sản phẩm sẽ giảm. Nhìn chung sản lượng nuôi và tiêu thụ thức ăn của cá tra tại các doanh nghiệp cùng ngành giảm so năm 2008, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Việt Thắng lại tăng 50% so năm 2008. Mặt khác công ty phát triển thêm sản phẩm thức ăn cho gia súc gia cầm để đa dạng sản phẩm, hạn chế rủi ro của thị trường.

2. Rủi ro pháp luật

- Sản phẩm của công ty chưa có xuất khẩu nhưng được sử dụng làm thức ăn cho các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam như cá tra phi lê xuất khẩu. Vì vậy, trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình, Công ty có trách nhiệm chấp hành các quy định của ngành có liên quan đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, ví dụ như sản phẩm của Việt Thắng cam kết không sử dụng chất kháng sinh gây hại cho cá và môi trường. Đây là những vấn đề đã được Công ty từ nhiều năm nay rất chú trọng và xem là chiến lược phát triển lâu dài của Công ty .
- Công ty luôn cập nhật và kịp thời đánh giá tình hình thị trường thế giới về các quy định chung của pháp luật cũng như những yêu cầu riêng của ngành để đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả của ngành này trong thời gian tới. Vì vậy, có thể thấy rủi ro về pháp luật không phải là những rủi ro đáng kể.
- Với tư cách là Công ty cổ phần đại chúng và niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện vẫn đang trong quá

trình tiếp tục được hoàn thiện. Do vậy, việc thực thi và sự ổn định của hệ thống các văn bản pháp lý này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro ngành nghề

a. Rủi ro về thị trường

- Ngành sản xuất thức ăn cho cá, đặc biệt là dành riêng cho cá da trơn là một khâu quan trọng trong qui trình của sản phẩm cá phi lê xuất khẩu. Vì vậy, Công ty chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của những thị trường nhập khẩu các sản phẩm thủy sản của Việt Nam. Trong những năm trước đây, sản phẩm cá tra phi lê của Việt Nam nhanh chóng được thị trường thế giới ưa chuộng vì là sản phẩm thủy sản ngon, giàu dinh dưỡng và rẻ. Do đó, nghề nuôi cá tra trong những năm gần đây phát triển nhanh chóng và nhu cầu tiêu thụ thức ăn cũng tăng mạnh dẫn đến công suất sản xuất thức ăn cá của các nhà máy cũng tăng nhanh chóng. Tuy nhiên do sự phát triển tự phát và quá nhanh chóng này đã làm nguồn cung cá tra phi lê bị dư thừa và các nhà xuất khẩu thủy sản này cạnh tranh bằng cách đưa giá xuất khẩu xuống mức quá thấp với chất lượng thấp. Do đó, người nuôi cá phải bán cá giá thấp và không còn lãi cao như trước, thậm chí có thể bị thua lỗ. Điều này làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến công suất sản xuất của các nhà máy sản xuất thức ăn cho cá. Tuy nhiên, nếu người nuôi cá có kỹ thuật và sử dụng thức ăn tốt thì vẫn có lời khi biết lựa chọn sản phẩm phù hợp. Ví dụ như khi sử dụng thức ăn thủy sản của Việt Thắng thì hệ số tiêu tốn thức ăn thấp so với nhiều hãng khác, cụ thể là cá nuôi thức ăn của Việt Thắng trung bình tiêu tốn thức ăn khoảng 1,5 kg/1 kg cá thương phẩm trong khi các hãng khác trung bình khoảng 1,6 đến 1,8 kg/1 kg cá thương phẩm. Để đảm bảo hiệu quả kinh tế, việc cơ cấu lại sản xuất và sáp nhập của ngành sản xuất thức ăn thủy sản là điều tất yếu.
- Việt thắng là một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực sản xuất thức ăn thủy sản cho cá tra, cá ba sa. Theo đánh giá của Việt Thắng so với các Công ty cùng ngành khác thì hiện nay, Công ty đang có sản lượng tiêu thụ nhiều nhất trên thị trường. Vì vậy, với vị thế là công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất thức ăn cho cá, cùng với việc liên kết với các đối tác lớn trong hệ thống sản phẩm thủy sản thì Việt Thắng sẽ có thêm tiềm lực tài chính mạnh và sẽ sáp nhập thêm một số công ty nhỏ để gia tăng thị phần và phát huy lợi thế của Việt Thắng
- Xét một cách tổng thể, có thể nhận định rằng rủi ro về thị trường là một rủi ro quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên đó cũng là cơ hội để Công ty phát triển hơn nữa.

b. Rủi ro về tỷ giá và lãi suất

- Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm mà phần lớn các nguyên vật liệu này đều phải nhập khẩu và được thanh toán bằng ngoại tệ nên sự biến động về tỷ giá có tác động lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu nên Công ty phải sử dụng các nguồn vay ngân hàng và chịu ảnh hưởng của sự biến động về lãi suất.
- Để hạn chế những rủi ro này, Công ty luôn cập nhật tình hình biến động của thị trường trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình. Theo đó, Công ty sẽ điều chỉnh giá thành sản phẩm một cách hợp lý để phù hợp với sự biến động giá cả trên thế giới. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các biện pháp khác như dự trữ ngoại tệ; ký các hợp đồng mua ngoại tệ với ngân hàng theo mức tỷ giá xác định; hoặc các hợp đồng vay với mức lãi xuất xác định theo từng giai đoạn..

c. Rủi ro tài chính

- Theo đặc điểm của ngành sản xuất thức ăn thủy sản và chăn nuôi, nguyên liệu chính để sản xuất là nông sản và phụ phẩm của nông sản. Do vậy, Công ty cần phải có chiến lược dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất cũng như để ổn định giá thành sản phẩm đầu ra. Để đảm bảo lượng hàng tồn kho, Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, trong những năm qua Công ty liên tục đầu tư phát triển để mở rộng sản xuất thông qua việc xây dựng thêm nhà máy mới nên nhu cầu về vốn và vay vốn của Công ty tương đối lớn.
- Ngoài ra, do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm mà phần lớn các nguyên vật liệu này đều phải nhập khẩu nên biến động giá cả nguyên vật liệu mà cụ thể là biến động tỷ giá cũng tác động lớn đến lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của giá nguyên liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng thu mua nguyên liệu dài hạn với các nhà cung cấp lớn qua đó giúp đảm bảo sự ổn định của các nguồn cung cấp cũng như giá thu mua nguyên vật liệu
- Hiện tại với lượng vốn luân chuyển lớn, và với hạn mức vay vốn tại các ngân hàng dồi dào, cộng với nguồn vốn tự có về cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng nhiều sẽ tạo áp lực lớn cho Công ty trong việc trả lãi vay.
- Với kế hoạch cơ cấu lại nguồn vốn bằng cách đa dạng hoá các kênh huy động vốn, trong đó có việc huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, Công ty có thể giảm bớt các rủi ro tài chính, từ đó đạt được một cơ cấu tài chính cân đối và phù hợp với chiến lược đầu tư phát triển của mình trong những năm sắp tới.

4. Rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong năm 2010

- Mục đích của đợt chào bán riêng lẻ cổ phiếu trong năm 2010 để tái cơ cấu tài chính và bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính cho Công ty. Việc chào bán này đã được Đại hội cổ đông thống nhất và thông qua, đồng thời Công ty đã thăm dò nhu cầu thị trường nên rủi ro của đợt chào bán sẽ được giảm thiểu.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

- Đây là đợt chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn nên giá tham chiếu của cổ phiếu Việt Thắng sẽ không bị điều chỉnh.

6. Rủi ro khác

- Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn trên đường vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu... là những rủi ro bất khả kháng, tuy rất ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra những thiệt hại nhất định và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty .

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

Ông Nguyễn Quang Hiền	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Ông Huỳnh Văn Hoàng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Phạm Xuân Tùng	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Ông Nguyễn Hồng Nam	Chức vụ: Giám đốc Điều hành
----------------------------	-----------------------------

(Theo Giấy uỷ quyền số 35/2006/UQ-SSI do Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký ngày 15/11/2006)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Việt Thắng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

❖ Công ty	:	Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
❖ XN	:	Xí Nghiệp
❖ Tổ chức niêm yết	:	Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
❖ Việt Thắng	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
❖ SSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
❖ HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
❖ CB-CNV	:	Cán bộ công nhân viên
❖ HĐQT	:	Hội đồng quản trị
❖ Vốn CSH	:	Vốn chủ sở hữu
❖ VDL	:	Vốn điều lệ
❖ LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
❖ ĐHCĐ	:	Đại Hội Đồng Cổ Đông

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Công ty

- Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG
- Tên giao dịch đối ngoại : VIET THANG AQUAFEED
- Tên viết tắt : VTFEED
- Địa chỉ : Lô 4-2, Khu Công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại : (84.67) 3764 159
- Fax : (84.67) 3763 488
- Email : vtf@vietthangfeed.com.vn
- Website: www.vietthangfeed.com.vn
- Mã số thuế : 1400437290
- Quyết định thành lập: Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 21/11/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp và sửa đổi lần thứ 06 ngày 09/09/2009.
- Lĩnh vực hoạt động của Công ty :
 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
 - Kinh doanh thức ăn và nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi.
 - Chăn nuôi thủy sản.
- Các sản phẩm, dịch vụ chính:
 - Hiện nay, sản phẩm chính của Công ty là thức ăn cho cá da trơn, các loại thức ăn viên nổi từ cá giống cho đến khi xuất bán thương phẩm.
 - Đầu năm 2010, Công ty sẽ sản xuất thêm thức ăn cho gia súc và gia cầm.
- Nơi mở tài khoản :

TT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản VND	Số tài khoản USD
1	Chi nhánh Ngân hàng ĐT & PT Đồng Tháp, phòng GD Sa Đéc	6921000000156	69210370000239
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Long An	0631003707203	0631373707213
3	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), chi nhánh TP HCM	001201623041	001201623141
4	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank), Sở Giao Dịch 1, TP HCM	200014851101665	200014851101679
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), phòng GD Sa Đéc	201000012	
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Sa Đéc	102010000544687	

7	Ngân hàng TMCP Quân Đội, chi nhánh Cần Thơ	4511100301007	4511100302003
---	--	---------------	---------------

- Vốn điều lệ hiện tại: **180.255.090.000 đồng** (Một trăm tám mươi tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi ngàn đồng)
- Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

Bảng 1. Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức
Thành lập (11/2002)	8.100.000.000		Góp vốn của cổ đông sáng lập
04/11/2003	8.650.000.000	550.000.000	Phát hành cho CBCNV và phát hành riêng lẻ
07/12/2004	25.000.000.000	16.350.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ theo HĐQT ngày 06/12/2004
04/05/2006	47.120.000.000	22.120.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CBCNV và phát hành riêng lẻ theo Biên bản họp ĐHCĐ ngày 20/04/2006, Nghị quyết HĐQT ngày 22/04/2006
17/04/2007	72.270.000.000	25.150.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho CBCNV theo Biên bản họp ĐHCĐ ngày 20/01/2007, Nghị quyết HĐQT ngày 10/04/2007
28/02/2008	94.255.090.000	21.985.090.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo HĐQT ngày 26/02/2008
13/02/2009	150.255.090.000	56.000.000.000	Chào bán riêng lẻ cho Công ty CP NTTS Hùng Vương Miền Tây theo Biên bản HĐQT ngày 14/01/2009, Nghị quyết HĐQT ngày 11/02/2009
09/09/2009	180.255.090.000	30.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 24/08/2009, NQ HĐQT ngày 28/09/2009

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2002-2003

- Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 21/11/2002 với vốn điều lệ là 8.100.000.000 đồng. Từ khi thành lập, Công ty đã tập trung đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Đến ngày 15/05/2003, nhà máy đã đi vào hoạt động với một dây chuyền (line 1) có công suất 30.000 tấn/năm. Tuy nhiên, đây là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động, cộng với những khó khăn khách quan từ thị trường tiêu thụ cá tra, cá ba sa sau vụ kiện bán phá giá trong năm 2003 nên Công ty chỉ tiêu thụ được 6.654 tấn với doanh thu thuần đạt được là 30,65 tỷ đồng.

- Năm 2004

- Đầu năm 2004, tình hình xuất khẩu thịt cá tra phi lê được thuận lợi hơn, người nuôi cá có lãi nhiều và bắt đầu mở rộng sản xuất, kéo theo nhu cầu tiêu thụ thức ăn cá tăng mạnh. Đồng thời, với hệ thống

khách hàng được Công ty xây dựng được trong năm 2003, từ tháng 3/2004, Công ty sản xuất hết công suất, liên tục trong 3 ca. Trước nhu cầu thức ăn cá tăng mạnh, Công ty huy động thêm vốn góp của cổ đông hiện hữu và cổ đông mới để hoạt động và mở rộng phát triển sản xuất. Tháng 6/2004 Công ty đầu tư thêm 1 dây chuyền mới (line 2) có công suất 30.000 tấn/năm. Đến tháng 11/2004, line 2 đi vào hoạt động và nâng tổng công suất sản xuất của Công ty lên 60.000 tấn/năm. Tuy nhiên, do tình hình thị trường phát triển nhanh nên sản lượng của Công ty vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ. Kết quả năm 2004 sản lượng tiêu thụ đạt 28.187 tấn với doanh thu thuần 130,48 tỷ và lợi nhuận sau thuế là 12,43 tỷ.

- **Năm 2005**

- Tiếp theo sự thành công của năm 2004, cùng với sự phát triển mạnh của nghề nuôi cá tra và sản phẩm của Công ty được thị trường chấp nhận và được đánh giá cao, dần khẳng định thương hiệu Việt Thắng. Trong năm 2005, Công ty sản xuất liên tục 3 ca vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường thức ăn thủy sản. Trước tình hình đó, cùng với nhu cầu phát triển của Công ty và nhận định sự phát triển của thủy sản Việt Nam nói chung và ngành chăn nuôi và chế biến cá tra nói riêng, Công ty đã quyết định đầu tư thêm nhà máy mới. Tháng 3/2005, Công ty thuê 65.000 m² đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu, Lai Vung, Đồng Tháp để đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng thứ 2 và đến tháng 3/2006 thì nhà máy đã đi vào hoạt động. Năm 2005 sản lượng tiêu thụ đạt 54.323 tấn, doanh thu thuần 258,97 tỷ và lợi nhuận sau thuế 31,25 tỷ.

- **Năm 2006**

- Tháng 3/2006 nhà máy thứ 2 đi vào hoạt động, ban đầu với 1 dây chuyền (line 3) sản xuất thức ăn cá công suất 55.000 tấn/năm, tháng 11/2006 thêm 1 dây chuyền (line 4) sản xuất thức ăn cá công suất 40.000 tấn/năm. Nâng tổng công suất tại thời điểm tháng 11/2006 của Công ty là 155.000 tấn/năm. Ngày 22/11/2006, Công ty ký hợp đồng thuê 42.000m² đất tại Khu Công nghiệp Sa Đéc, Khu C mở rộng để đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng thứ 3. Năm 2006 sản lượng tiêu thụ đạt 102.888 tấn, doanh thu thuần 503,15 tỷ và lợi nhuận sau thuế 51,1 tỷ.

- **Năm 2007**

- Tháng 9/2007, Công ty đã đầu tư và đưa vào hoạt động dây chuyền chế biến thức ăn cá (line 5) tại nhà máy Lai Vung với công suất 55.000 tấn/năm. Theo đó, tổng công suất tại thời điểm tháng 9/2007 của Công ty là 210.000 tấn/năm. Tháng 5/2007 Công ty khởi công xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng thứ 3 tại Khu Công nghiệp Sa Đéc, Đồng Tháp. Năm 2007, Công ty đạt được sản lượng tiêu thụ 162.183 tấn, doanh thu thuần 914,89 tỷ và lợi nhuận sau thuế 48,4 tỷ.

- **Năm 2008**

- Tháng 7/2008 Công ty đưa vào hoạt động nhà máy thứ 3 với 2 dây chuyền chế biến thức ăn thủy sản công suất 70.000/năm/ cho một dây chuyền. Theo đó, tổng công suất toàn Công ty tăng lên 350.000 tấn/năm. Năm 2008, với nhiều biến động phức tạp của thế giới và trong nước như khủng hoảng lương thực, khủng hoảng nhiên liệu, biến động tỷ giá, khủng hoảng tài chính. Dưới các ảnh hưởng này, nghề nuôi cá cũng gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên sản lượng thức ăn cá tiêu thụ của Công ty vẫn không giảm so năm 2007, nhưng do biến động tỷ giá, lãi vay cao, đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do đó dù sản lượng không giảm so năm 2007 (162.798 tấn) và doanh thu thuần 1.171,74 tỷ nhưng lãi sau thuế Công ty chỉ được 1,04 tỷ đồng.

- **Năm 2009**

- Tình hình kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, khủng hoảng tài chính diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có ngành thủy sản và đặc biệt sản phẩm cá tra filé xuất khẩu. Người nuôi cá và các nhà máy chế biến thức ăn cho cá tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, nhất là

về vốn và thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên dưới chính sách hỗ trợ lãi suất của nhà nước và nội lực của Công ty đã giúp Công ty vượt qua những khó khăn. Ngoài ra, Công ty cũng đã chào bán thành công 8.600.000 cổ phần cho nhà đầu tư lớn và cổ đông hiện hữu để củng cố năng lực tài chính. Đây chính là một trong những yếu tố góp phần rất lớn trong việc ổn định và phát triển sản xuất của Công ty trong năm 2009, thể hiện qua việc sản lượng tiêu thụ và Doanh thu thuần của Công ty đều tăng hơn 40% so năm 2008.

1.3 Các thành tựu Công ty đã đạt được

- Năm 2007

- Chứng nhận HTQLCL ISO 9001:2000 của tổ chức Bureau Veritas Certification_BVQI (Anh Quốc) năm 2007;
- Bằng khen của Chủ tịch tỉnh tặng Cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng Khu Công nghiệp Sa Đéc.
- Tổng Giám Đốc - Nguyễn Quang Hiền là doanh nhân tiêu biểu khối doanh nghiệp địa phương năm 2007

- Năm 2008

- Giải thưởng Sản phẩm Việt – Hợp chuẩn WTO 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Giải thưởng Doanh nghiệp Phát triển bền vững năm 2008 của Bộ Công Thương
- Huy hiệu Bảo vệ người tiêu dùng Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.
- Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007 và 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Hội viên liên kết của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vasep)
- Top 500 Thương Hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2008.
- Giải Vàng Thương hiệu Thực phẩm Việt Nam Chất lượng An toàn năm 2008;
- Giải thưởng Cúp vàng sản phẩm Thương hiệu Việt Hội nhập WTO 2008;
- Cúp vàng ISO năm 2008;
- Thương hiệu thực phẩm chất lượng an toàn của Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam
- Thành viên VNR 500 năm 2007 và 2008
- Tổng Giám đốc - Nguyễn Quang Hiền là doanh nhân tiêu biểu năm 2008 do Liên Hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam bình chọn

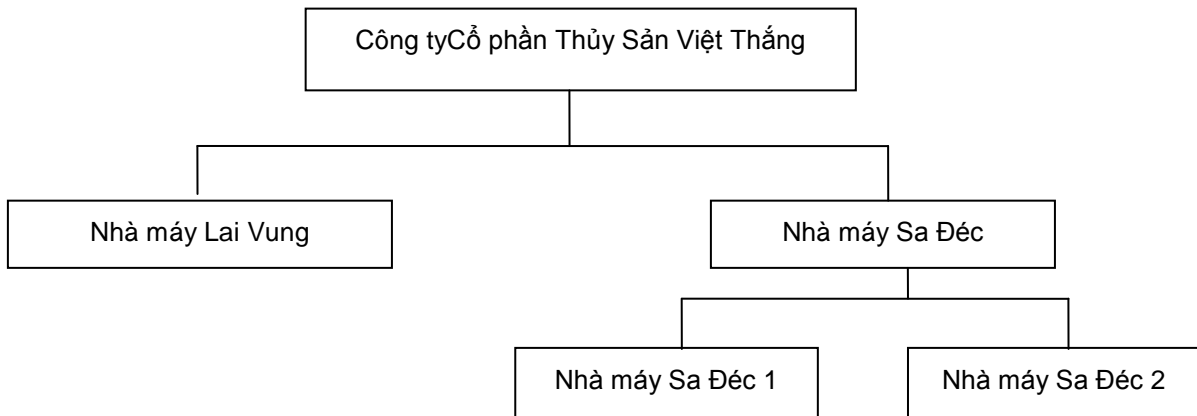
- Năm 2009

- Giải thưởng Doanh nghiệp văn hóa – Unesco Việt Nam năm 2009 của Liên hiệp các hội Unesco Việt Nam
- Giải thưởng Doanh nghiệp Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật tiêu biểu năm 2009 của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.
- Giải thưởng Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam lần IV năm 2009 của Hội Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam.
- Cúp vàng Thương hiệu An toàn và Nổi tiếng ngành Thủy sản Việt Nam năm 2009 của Bộ NN và PT nông thôn.
- Ông Nguyễn Quang Hiền – Tổng Giám đốc, đạt Giải thưởng vàng Doanh nhân tài đức trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe cộng đồng năm 2009 của Bộ NN và PT nông thôn.
- Cúp vàng Topten Thương Hiệu Việt 2009 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

- Tri ân năm 2009 của Trung ương – Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân – Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Tháp
- UBND tỉnh Đồng Tháp khen tặng Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng đã có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển Khu Công Nghiệp nhân kỷ niệm 10 năm thành lập 1998 – 2008

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



Trụ sở chính: Công ty CP Thủy Sản Việt Thắng

Địa chỉ: Lô 4-2, Khu Công nghiệp C, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

ĐT: (84.67) 3764 159

Fax: (84.67) 3763 488

Website: www.vietthangfeed.com.vn

❖ Nhà máy Lai Vung

Ngành nghề kinh doanh : chuyên sản xuất thức ăn cho cá tra, cá ba sa

Địa chỉ: Lô A&B, Khu CN Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Dung, Đồng Tháp

ĐT: (84.67) 3649 567

Fax: (84.67) 3649 569

❖ Nhà máy Sa Đéc 1

Ngành nghề kinh doanh : chuyên sản xuất thức ăn cho cá tra, cá ba sa

Địa chỉ: Lô 4-2, Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

ĐT: (84.67) 3764 159

Fax: (84.67) 3763 488

❖ Nhà máy Sa Đéc 2

Ngành nghề kinh doanh : chuyên sản xuất thức ăn cho cá tra, cá ba sa

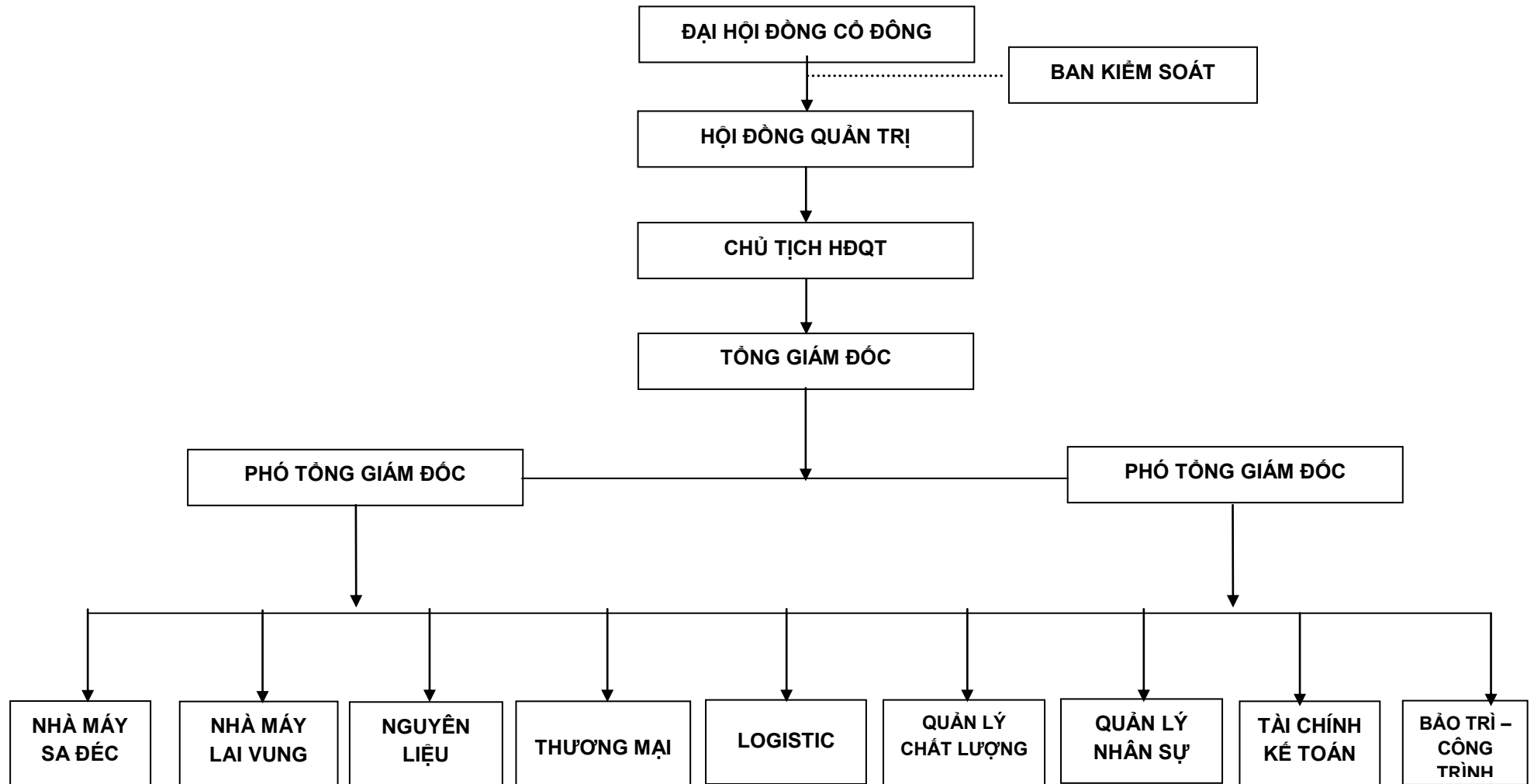
Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3, Khu C Mở rộng, Khu CN Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

ĐT: (84.67) 3764 159

Fax: (84.67) 3763 488

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



❖ **Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty**

Đại hội cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

Hội đồng quản trị

- HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty.

Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban điều hành

- Ban điều hành của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh, đồng thời có quá trình gắn bó lâu dài với Công ty.

Các Phòng nghiệp vụ

Phòng nguyên liệu:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động thu mua nguyên liệu.
- Phối hợp Quản đốc phân xưởng xây dựng và quyết toán các định mức nguyên liệu vật tư cho sản xuất.
- Giao dịch với nhà cung ứng, thực hiện việc mua hàng và làm thủ tục nhận nguyên liệu mua, quản lý việc mua hàng, theo dõi hoạt động của nhà cung ứng

Phòng Kế toán – Tài chính:

- Lập các kế hoạch, phương án về khai thác, phân bổ, sử dụng nguồn vốn và vốn cho hoạt động kinh doanh một cách hợp lý, hiệu quả.
- Tổ chức theo dõi hoạch toán kế toán và hạch toán thống kê kịp thời, chính xác, đầy đủ kết quả hoạt động kinh doanh; lập các báo cáo về tài chính, phân tích kết quả hoạt động và hiệu quả kinh tế của hoạt động kinh doanh.
- Lập, tiếp nhận, kiểm tra tính chính xác, tính hợp pháp của các chứng từ mua bán, chứng từ về kế toán và các chứng từ khác, thực hiện việc sử dụng, quản lý, chuyển giao chứng từ hồ sơ kế toán giữa các bộ phận, theo đúng quy định của Nhà nước.

- Tổ chức thu thập thông tin về tình hình tài chính của khách hàng, thực hiện thu nợ, giải quyết các quan hệ tài chính với các khách hàng theo đúng quy định của Nhà nước và cam kết của các bên có liên quan.
- Lập các quy chế thu chi tài chính, phương án về giải quyết quan hệ tài chính trong và ngoài Công ty, phân tích hiệu quả kinh doanh của từng đơn hàng, từng thương vụ trước và sau khi thực hiện.
- Phát hiện và kiểm soát các rủi ro về tài chính trong sản xuất kinh doanh của Công ty, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro.
- Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tài chính và các hoạt động về tài chính của Công ty, kiểm tra giám sát về tài chính, giúp Giám đốc điều hành cân đối thu chi tài chính và phân tích hoạt động kinh tế của Công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành việc thực hiện toàn diện nhiệm vụ của phòng.

Phòng Hành chính – Nhân sự:

- Lập kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp, đào tạo, sử dụng lao động theo yêu cầu kế hoạch kinh doanh trước mắt và lâu dài.
- Chủ trì trong việc tổ chức kiểm tra tay nghề của công nhân, thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh công nghiệp.
- Xây dựng và kiểm tra thực hiện định mức lao động tiền lương và chi trả lương, giải quyết các vướng mắc về chế độ chính sách đối với người lao động.
- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ an toàn tài sản, tính mạng của cán bộ công nhân viên, thực hiện an toàn trong sản xuất, an ninh trật tự trong sinh hoạt, quan hệ với láng giềng, kiểm soát và bài trừ các tệ nạn xã hội trong cán bộ công nhân viên, kiểm soát và quản lý công tác đăng ký tạm trú, tạm vắng của cán bộ công nhân viên đang làm việc trong Công ty ở lại tập thể.
- Xây dựng nề nếp làm việc, tổ chức công tác hành chính, giao tế, tổ chức đời sống, sinh hoạt theo nếp sống văn hoá lành mạnh lịch sự, tạo ấn tượng tốt trong nội bộ và bên ngoài.
- Quản lý hồ sơ nhân sự, theo dõi, phát hiện kịp thời những điều không bình thường trong quan hệ của các thành viên trong tổ chức để có biện pháp ngăn ngừa.

Phòng Thương mại:

- Tìm hiểu và nghiên cứu thị trường; Tham mưu cho lãnh đạo công ty điều hành hoạt động thương mại – marketing.
- Xây dựng các kế hoạch thương mại, thị trường ... của công ty hàng năm, từng quý, từng tháng.
- Thu thập thông tin từ khách hàng để ghi nhận và xử lý phản hồi của khách hàng về các sản phẩm của Công ty.
- Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về thương mại, thư giao dịch, HĐMB.
- Thu thập thông tin các báo cáo về thị trường, về khách hàng, các báo cáo thống kê theo quy định của công ty.

Bộ phận Logistic

- Quản lý xuất, nhập, tồn hàng hoá trong kho: nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thành phẩm...
- Bảo quản hàng hoá trong kho, thực hiện việc kiểm kê thường xuyên và định kỳ
- Giao nhận các lô hàng nhập khẩu của công ty.
- Điều chuyển nguyên liệu, thành phẩm theo yêu cầu của công ty.

Phòng Quản lý chất lượng:

- Phân tích, kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào và thành phẩm để đảm bảo quy định chung về quản lý chất lượng.
- Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất, dây chuyền sản xuất vận hành theo đúng quy trình .
- Thực hiện kế hoạch kiểm định hiệu chuẩn thiết bị và dụng cụ đo theo các chuẩn mực quy định.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường.
- Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi, các phương pháp mới trong kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.

Phòng Bảo trì công trình mới:

- Thực hiện bảo trì vật tư, thiết bị và hệ thống máy móc sản xuất đảm bảo cho hoạt động của Công ty .
- Đề xuất và thực hiện việc mua vật tư, thiết bị phục vụ cho công tác bảo trì.
- Giám sát thi công các công trình xây dựng của Công ty để đảm bảo tiến độ kỹ thuật và độ an toàn

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty , danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông của Công ty**4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 17/05/2010****Bảng 2.** Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty CP Nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Lô 46, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	5.630.000	31,23%
2	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP HCM	1.800.000	9,99%
TỔNG CỘNG			7.430.000	41,22%

*Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng***4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ****Bảng 3.** Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 17/05/2010

TT	Tên Cổ Đông Sáng Lập	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Quang Hiền	46H, Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, TP HCM	315.618	1,75%
2	Mã Minh Quang	C1A, Trần Phú, phường 3, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	555.861	3,08%
3	Nguyễn Văn Thắng	52, Huỳnh Việt Thanh, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An	852.952	4,73%
4	Nguyễn Minh Bạ	E92, Khu Xuân Bình, thị trấn Xuân Lộc, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	725.140	4,02%
Tổng cộng			2.449.571	13,59%

*Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng***Ghi chú:**

Tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp (có hiệu lực từ 01/07/2006) quy định, trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển

nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng chính thức đi vào hoạt động vào ngày 21/11/2002 do vậy mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng với cổ đông sáng lập đều không còn hiệu lực.

5. Cơ cấu vốn cổ phần

Bảng 4. Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 17/05/2010

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông trong nước	153	18.025.509	100,00
	+ Cá nhân	150	10.145.509	56,28
	+ Tổ chức	3	7.880.000	43,72
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	+ Cá nhân			
	+ Tổ chức			
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	153	18.025.509	100,00

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Không có

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm

- Mô tả các sản phẩm chính của Công ty :

- Sản phẩm chính của Công ty là thức ăn cho cá tra, các loại thức ăn viên nổi từ cá giống cho đến khi xuất bán thương phẩm
- Thức ăn thủy sản được sản xuất bằng công nghệ ép đùn tiên tiến nhằm gia tăng tối đa giá trị dinh dưỡng, tăng trạng thái bền và ổn định trong nước giúp duy trì chất lượng thức ăn khi gặp nước và chất lượng môi trường nước. Công thức phối chế chuyên biệt cho nuôi công nghiệp, giúp cá hấp thụ nhanh nhất, đồng thời gia tăng sức đề kháng tự nhiên chống lại bệnh tật.

- Hiện nay sản phẩm của Công ty Việt Thắng được cân đối chế biến từ các nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu có chất lượng cao của nước ngoài và các nguồn nguyên liệu trong nước được tuyển chọn kỹ lưỡng. Sự tuyển chọn này tuân thủ nghiêm ngặt các qui trình kiểm tra chất lượng, thành phần, tính chất lý hóa, nguồn gốc xuất xứ nhằm đảm bảo tối đa chất lượng nguyên liệu đầu vào để cho ra dòng sản phẩm tốt nhất trên thị trường hiện nay.
- Sản phẩm của Việt Thắng cam kết không sử dụng các chất kháng sinh gây hại đến môi trường mà bị cấm theo qui định của Bộ Thủy sản. Công ty tiếp tục nghiên cứu thực hiện việc đa dạng hóa sản phẩm dành cho cá da trơn và cá có vây với nhiều kích cỡ, nhiều chủng loại về hàm lượng protein, đặc biệt có màu sắc và mùi vị chuẩn. Hạt thức ăn ít bụi, giảm thiểu tối đa về ô nhiễm môi trường khi sử dụng. Công ty Việt Thắng đã chứng minh được sự vượt trội của mình về chất lượng trong thời gian qua.



- Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm của Công ty

Bảng 5. Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm		2007			2008		
		Sản lượng (tấn)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận gộp	Sản lượng (tấn)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận gộp
Thức ăn cho cá	Số liệu	162.183	927.181	78.039	162.798	1.190.171	73.718
	Tỷ trọng		99,68%	99,93%		99,73%	98,86%
Nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	Số liệu	800	2.933	53	34	3.180	849
	Tỷ trọng		0,32%	0,07%		0,27%	1,14%
Gia công chế biến thức ăn	Số liệu		0%	0%		0%	0%
	Tỷ trọng						
Cộng		162.983	930.114	78.092	162.832	1.193.351	74.567

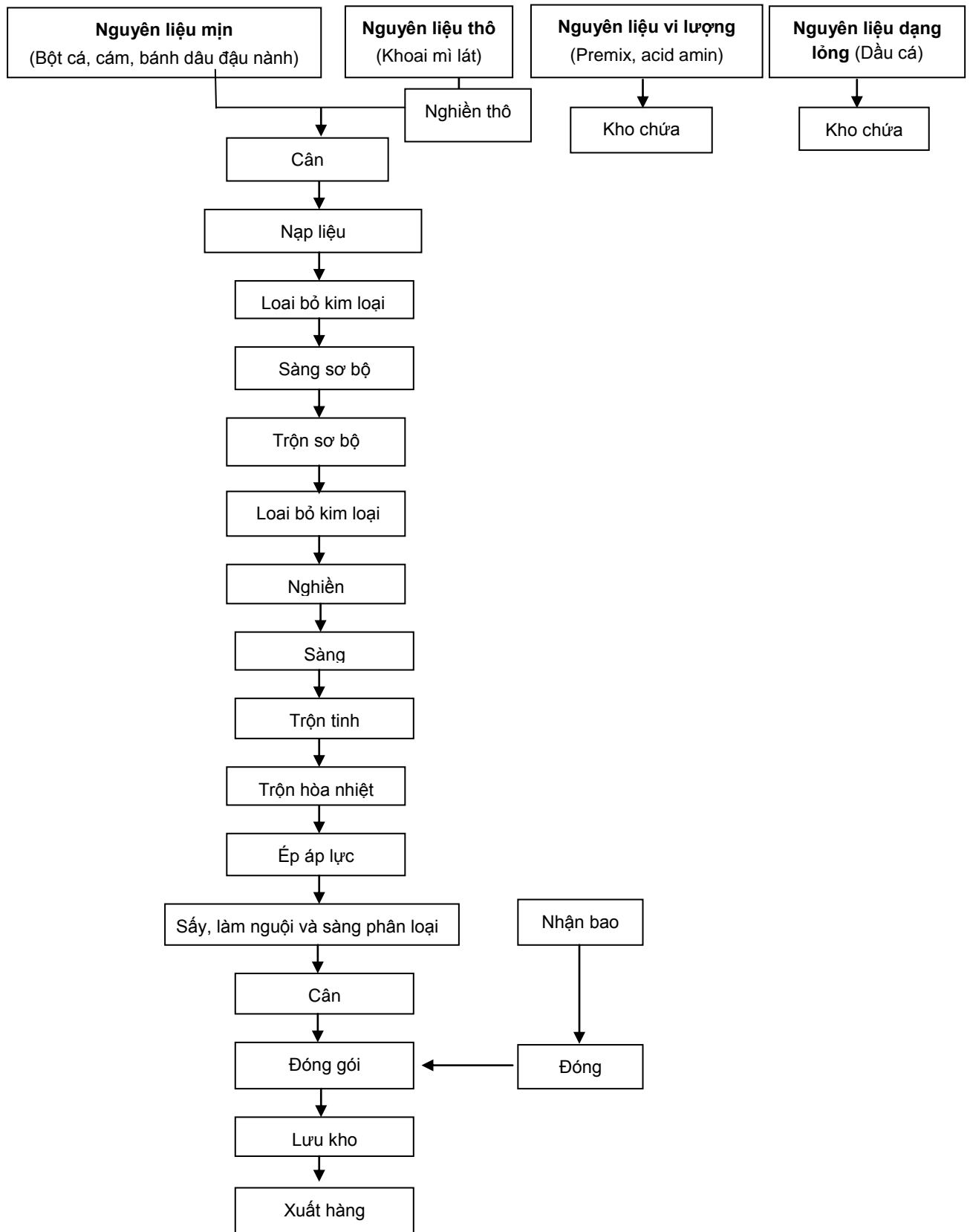
Sản phẩm		2009			Quý I/2010		
		Sản lượng (tấn)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận gộp	Sản lượng (tấn)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận gộp
Thức ăn cho cá	Số liệu	243.771	1.672.036	109.062	67.246	514.983	22.870
	Tỷ trọng	95,65%	99,50%	96,85%	99,84%	99,50%	97,47%
Thức ăn cho gia súc, gia cầm	Số liệu	-	-	-	110	805	5
	Tỷ trọng				0,16%	0,16%	0,02%
Nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	Số liệu						
	Tỷ trọng						
Gia công chế biến thức ăn	Số liệu	11.994	8.327	3.553		1.771	588
	Tỷ trọng	4,35%	0,50%	3,15%		0,34%	2,51%
Cộng		254.856	1.680.363	112.649	67.356	517.559	23.463

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thức ăn cho cá tra, cá basa. Từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ tập trung vào sản xuất thức ăn cho cá tra, cá basa
- Trong năm 2007 và 2008, Công ty có doanh thu tiêu thụ nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi là do tại thời điểm đó, một số nguyên liệu tồn kho dự trữ dư thừa so với kế hoạch sản xuất nên Công ty đã tiến hành bán bớt để thu hồi một phần vốn. Năm 2009, công ty mua nguyên liệu dùng để sản xuất thành phẩm và không còn dư nên không cần bán bớt để thu hồi vốn.
- Trong năm 2009, Công ty có phát sinh doanh thu gia công chế biến thức ăn thủy sản do công suất sản xuất còn dư nên Công ty đã tận dụng để gia công sản xuất cho khách hàng

7.2 Quy trình sản xuất

- Quy trình công nghệ sản xuất thức ăn thủy sản Việt Thắng áp dụng theo hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm – Tiêu chuẩn ISO 22000:2005



Bảng 6. Quy trình sản xuất thức ăn

Công đoạn	Mô tả chi tiết
1. Nhận và trữ nguyên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận kiểm soát chất lượng sản phẩm: kiểm tra nguyên liệu theo đúng tiêu chuẩn nguyên liệu của Công ty . - Nguyên liệu được trữ trong kho xá hoặc silos.(Là hệ thống tháp chức nguyên liệu xá, khi sản xuất các nguyên liệu từ silos này được tự động nạp vào dây chuyền sản xuất theo công thức được lập trình trước).
2. Tiếp liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận sản xuất chuyển kế hoạch sản xuất ngày và tuần cho các bộ phận liên quan để chuẩn bị sản xuất. - Bộ phận kho nhập Kế hoạch tiếp liệu vào chương trình tự động để cấp liệu cho bộ phận sản xuất
3. Loại bỏ kim loại	<ul style="list-style-type: none"> - Kim loại lẫn trong nguyên liệu được giữ lại bằng hệ thống nam châm vĩnh cửu.
4. Trộn sơ bộ và Nghiền.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu được trộn sơ bộ trước khi nghiền, mục đích giúp cho máy nghiền hoạt động ổn định hơn. - Sau khi trộn, nguyên liệu được nghiền mịn theo đúng tiêu chuẩn Công ty giúp cho cá dễ hấp thụ thành phần dinh dưỡng trong thức ăn.
5. Sàng	Công đoạn này loại bỏ nguyên liệu có kích thước lớn không đạt yêu cầu về độ mịn của thức ăn thủy sản.
6. Trộn tinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tại bồn trộn tinh nguyên liệu được bổ sung chất phụ gia: khoáng vi lượng; các vitamin và vi khoáng dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi như premix, DSM, Bayer; Dầu cá hồi ,....
7. Trộn hoà nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu sau khi trộn tinh được chuyển qua bồn trộn hòa nhiệt với mục đích gia nhiệt bằng hơi bão hòa và bổ sung nước cho khối nguyên liệu để tăng độ hồ hóa tinh bột và giảm tiêu hao năng lượng ở công đoạn ép.
8. Ép áp lực	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu chuyển xuống máy Ép đùn, tại công đoạn này được bổ sung nước và hơi nước, nguyên liệu di chuyển trong trục ốc với lực ma sát rất lớn, do đó nguyên liệu được gia nhiệt rất cao (nhiệt độ > 100°C) và được nấu chín tại đây. - Trong quá trình di chuyển đến đầu trục ép, nguyên liệu sau khi bị nén qua các lỗ khuôn. Do chênh lệch áp suất, viên thức ăn sẽ trương nở và được dao cắt với tốc độ phù hợp để cho ra viên đúng kích cỡ qui định. - Công đoạn này là điểm kiểm soát giới hạn tới hạn ký hiệu là CCP 1 theo Tiêu chuẩn ISO 22000: 2005.
9. Sấy, làm nguội và sàng phân loại.	<ul style="list-style-type: none"> - Viên thức ăn hình thành có ẩm độ cao sẽ chuyển qua công đoạn sấy khô bằng hệ thống sấy đối lưu không khí. Sản phẩm đạt ẩm ≤ 11% để bảo quản. - Sau công đoạn sấy sản phẩm được làm nguội bằng Hệ thống làm nguội bằng không khí tự nhiên. Trong quá trình làm nguội sản phẩm được làm sạch bằng hệ thống hút bụi lần 2. - Sản phẩm sau khi được làm nguội và sạch bụi được chuyển qua sàng phân loại. - Tại công đoạn này sàng sẽ lượt bỏ sản phẩm lớn hơn hoặc nhỏ hơn kích thước yêu cầu. - Công đoạn sấy là điểm kiểm soát giới hạn tới hạn ký hiệu là CCP 2 theo Tiêu chuẩn ISO 22000: 2005.

10. Đóng gói	- Sản phẩm sau khi sàng theo đường ống chuyển xuống bồn chứa để đóng bao bằng hệ thống cân tự động. - Khối lượng tịnh: đạt tiêu chuẩn đã công bố. - Các chỉ tiêu chất lượng: theo tiêu chuẩn thành phẩm Công ty .
11. Lưu kho và Xuất hàng	- Hàng lưu kho không quá 55 ngày . - Sản phẩm xuất cho khách hàng phải bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn thành phẩm của Công ty và các QĐ hiện hành của Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn

Ghi chú: từ công đoạn 1 đến công đoạn 10 được điều khiển bằng hệ thống tự động

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

7.3 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

- Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm của Công ty bao gồm: nông sản và các phụ phẩm của hàng nông sản, thủy sản; Các khoáng chất và vitamin bổ sung như: cám gạo, tấm gạo, cám mì, khoai mì, khô dầu đậu nành, bột cá, dầu cá hồi, các vitamin và vi khoáng dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi như premix...
- Khoảng từ 50% đến 60% nguyên liệu sử dụng để chế biến thức ăn thủy sản phải nhập khẩu, gồm các loại nguyên liệu như khô dầu đậu nành, bột cá, dầu cá hồi, nhóm các acid amin dùng bổ sung thức ăn chăn nuôi như methionine, choline.
 - Bột cá: nguồn trong nước là chính, tuy nhiên tùy giá cả cũng như sản lượng trong nước cung cấp mà Công ty phải nhập khẩu từ Chile và Peru. Nguồn nguyên liệu này thì dồi dào nhưng cũng theo mùa vụ.
 - Khô dầu đậu nành: hiện nay nguồn khô dầu đậu nành được sử dụng trong nước hầu hết là nhập khẩu. Hiện tại Công ty nhập khẩu chủ yếu từ 2 nước là Argentina và Ấn Độ. Đây là những nước cung cấp nguồn khô dầu đậu nành cho thế giới. Nguồn nguyên liệu này thì dồi dào nhưng cũng theo mùa vụ.
 - Dầu cá hồi nhập từ Chile; methionine nhập từ Đức và choline nhập từ Trung Quốc. Các nguồn nguyên liệu này ổn định và dồi dào.
- Nguồn trong nước gồm: cám gạo, tấm gạo, khoai mì, bột cá, cám mì. Những nguồn này thì dồi dào nhưng cũng theo mùa vụ.
- Việc cam kết sử dụng nguồn nguyên liệu có chất lượng tốt giúp sản phẩm của Việt Thắng tạo được uy tín đối với khách hàng. Các đặc điểm nổi trội của thức ăn thủy sản Việt Thắng như: giúp cá ít bị bệnh, tăng trưởng nhanh, thu hoạch đạt năng suất cao, kết cấu thịt cá săn chắc và tỷ lệ thu hồi phi lê cao.

b. Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

- Đặc tính của hàng nguyên liệu nông thủy sản có tính thời vụ. Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu này được cung cấp rất ổn định do Công ty duy trì mối quan hệ kinh doanh tốt với nhiều đối tác lớn cả ở trong nước và nước ngoài. Cụ thể như các Công ty trong nước gồm có: Công ty TNHH Cao Trí, Công ty TNHH Minh Huy, DNTN Việt Tiến, Công ty TNHH TM DV Nông Sản Việt, Công ty TNHH TM DV SX Sinh Việt. Và các Công ty nước ngoài có: Bunge Agribusiness Singapore, PTE LTD, Cargill International Trading PTE LTD, Aditi Oil Limited

- Chính nhờ những mối quan hệ thương mại lâu năm của Công ty và các bạn hàng trên mà Công ty có thể chủ động hơn về nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, qua đó Công ty có thể xây dựng được các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính dài hạn
- Ngoài ra, Công ty đã hình thành được một hệ thống kênh cung cấp nguyên liệu với nhiều nguồn cung cấp ổn định về số lượng dồi dào, chất lượng đảm bảo và giá cả cạnh tranh.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận:

- Chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá thành sản phẩm (khoảng 93%), vì vậy sự biến động của giá cả nguyên vật liệu trên thị trường có tác động lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Khi giá nguyên liệu thị trường hiện tại có sự biến động mạnh, Công ty sẽ xem xét đến giá nguyên liệu tồn kho, tình hình thị trường chung mà Công ty sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng cho phù hợp.
- Ngoài ra, việc nhập khẩu nguyên vật liệu được thanh toán hoàn toàn bằng USD nên sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tùy từng thời điểm mà Công ty sẽ lựa chọn việc mua ngoại tệ hay vay ngoại tệ để giảm rủi ro về biến động tỷ giá.
- Nguyên liệu chính để sản xuất sản phẩm của Công ty là hàng nông sản có tính thời vụ. Khi vào mùa vụ giá nguyên liệu thường tốt nhất (thường là giá thấp nhất trong năm), khi hết mùa vụ giá nguyên liệu cũng tăng lên, trung bình từ 20% đến 30%, có một số nguyên liệu tăng có thể tăng trên 40%. Đây là một thách thức để bình ổn giá bán mà cũng là cơ hội để Công ty gia tăng lợi nhuận. Với lợi thế về nguồn tài chính dồi dào, khi đến mùa vụ Công ty tập trung mua đủ nguyên liệu để sản xuất cho đến mùa vụ sau, khi đó giá nguyên liệu được bình ổn ở mức thấp nhất. Do đó, giá thành phẩm của Công ty có lợi thế cạnh tranh, góp phần lớn trong việc gia tăng thị phần và tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

7.4 Chi phí sản xuất

a. Cơ cấu chi phí sản xuất

Bảng 7. Cơ cấu chi phí theo yếu tố

TT	Yếu tố chi phí	NĂM 2007		NĂM 2008		NĂM 2009		Q1/2010	
		Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu thuần	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu thuần	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu thuần	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	836.800	91,46	1.097.174	93,64	1.541.846	93,19	493.934	95,46
2	Chi phí tài chính	11.949	1,31	55.373	4,73	48.978	2,96	17.159	3,32
3	Chi phí bán hàng	4.287	0,47	4.767	0,41	5.371	0,33	1.685	0,33
4	Chi phí QLDN	11.485	1,26	15.339	1,31	15.032	0,91	4.292	0,83
5	Chi phí khác	19	0,00	133	0,01	943	0,06	22	0,00
Tổng chi phí		864.540	94,50	1.172.785	100,09	1.612.169	97,44	517.092	99,94

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Q1/2010

- Sự biến động chi phí sản xuất của Công ty do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:
 - Đầu năm 2008, giá nguyên liệu tăng cao do ảnh hưởng của khủng hoảng lương thực thế giới. Tuy nhiên, đây cũng là mùa vụ nông sản nên công ty phải mua nguyên liệu vào để sản xuất và dự trữ cho cả năm. Ngoài ra, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính nên tình hình xuất khẩu cá tra phi lê gặp nhiều khó khăn dẫn đến giá cá tiêu thụ giảm và người nuôi cá không có lãi. Trước tình hình này, để giữ thị trường tiêu thụ thì công ty phải giảm giá bán trong khi giá nguyên liệu tồn kho cao nên tỷ lệ giá vốn trên doanh thu thuần tăng so năm 2007 là 2,18%.
 - Bên cạnh đó, lãi suất tăng cao trong năm 2008 cùng với số tiền vay cao do lượng hàng tồn kho lớn nên dẫn đến chi phí lãi vay tăng mạnh. Từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2008 tỷ giá VND/USD tăng mạnh trong khi thời điểm này lượng nguyên liệu nhập khẩu về nhiều dẫn đến phát sinh lỗ do chênh lệch tỷ giá cao. Từ những biến động về tỷ giá và lãi suất dẫn đến chi phí tài chính/Doanh thu thuần năm 2008 tăng 3,42% so năm 2007. Vì vậy, do ảnh hưởng của giá vốn hàng bán và chi phí tài chính nên tổng chi phí kinh doanh năm 2008 chiếm 100,09% có nghĩa là hoạt động kinh doanh chính không có lời. Tuy nhiên năm 2008 công ty không bị lỗ do được bù đắp bởi doanh thu tài chính và thu nhập khác.
 - Năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty đã được cải thiện. Cùng với việc quản lý chi phí hiệu quả, tỷ trọng tổng chi phí của Công ty so với doanh thu thuần đã giảm đáng kể.

b. Chính sách quản lý chi phí:

- Việc kiểm soát chi phí sản xuất sản phẩm. dịch vụ là hết sức quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty . Do đó, Công ty luôn chú trọng đến việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh để nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thông qua các biện pháp sau:
 - Xây dựng định mức nguyên vật liệu đối với các loại sản phẩm sản xuất của Công ty, tránh tình trạng sử dụng lãng phí nguyên vật liệu trong sản xuất (nguyên phụ liệu, điện, nước v.v...);
 - Thường xuyên kiểm tra. theo dõi các chi phí sản xuất thông qua các quá trình giám sát trực tiếp và báo cáo định kỳ của các đơn vị về tình hình sử dụng nguyên vật liệu, chi phí quản lý của Công ty ;
 - Chú trọng việc nâng cao năng suất lao động để tăng hiệu quả kinh doanh;
 - Cải tiến hệ thống quản lý, cải tiến qui trình sản xuất, máy móc thiết bị;
 - Lập quy định, định mức cụ thể đối với các chi phí quản lý như điện thoại, tiếp khách, văn phòng phẩm v.v... tại các đơn vị;
 - Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn của khách hàng nhằm giảm chi phí lãi vay của Công ty .

7.5 Trình độ công nghệ

- Hệ thống máy móc thiết bị công nghệ mà Công ty đang sử dụng được đầu tư mới có qui trình công nghệ sản xuất tiên tiến khép kín. Trong đó, nổi bật là bảy (07) hệ thống dây chuyền sản xuất máy ép đùn thức ăn cá viên nổi có công suất 350.000 tấn/năm có các thiết bị xuất xứ từ Mỹ, Pháp, Đan Mạch, Đài loan, Việt Nam.
- Ngoài ra, để máy móc thiết bị vận hành liên tục ổn định, Công ty đã xây dựng một bộ phận kiểm tra bảo trì thường xuyên, sửa chữa kịp thời và nghiên cứu cải tiến các chi tiết liên quan đến dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, không chế sản phẩm sai hỏng.

7.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

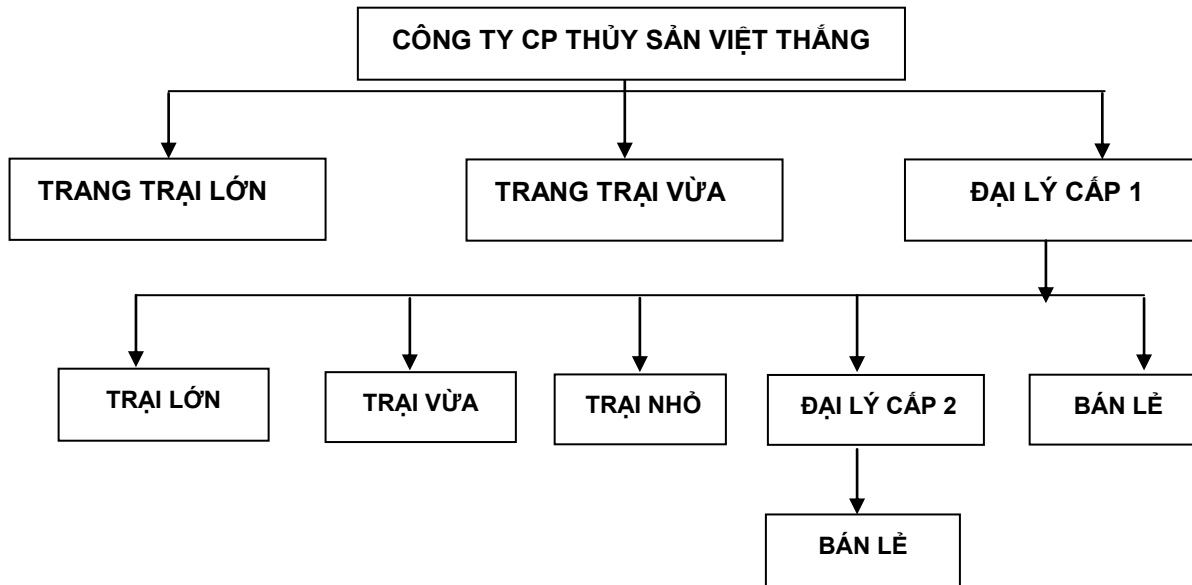
- Công ty đang tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới có tính năng nổi trội để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cụ thể như sau:
 - Nghiên cứu phương pháp hạ thấp hơn nữa hệ số chuyển đổi thức ăn $FCR < 1.45$ (*FCR: lượng thức ăn chuyển hóa thành 1kg thịt*) nhằm mục đích giảm giá thành nuôi cá và giảm chất thải ra môi trường gây ô nhiễm (*Hiện nay, hệ số $FCR = 1.5$*)
 - Sản phẩm có phun enzyme nhằm mục đích tăng độ tiêu hóa, giảm các khoáng chất, tăng khả năng miễn dịch tự nhiên cho cá và hạn chế các dịch bệnh.
 - Các sản phẩm có khả năng hỗ trợ và tăng cường quá trình hình thành và chuyển hóa chất Omega 3 trong cá thành phẩm.
 - Các sản phẩm có khả năng tăng cường và hỗ trợ hệ thống miễn dịch tự nhiên cho cá, hạn chế dịch bệnh.
- Ngoài ra, về mục tiêu lâu dài, Công ty đang tiến hành nghiên cứu các dòng sản phẩm khác như: thức ăn dành cho cá có vảy, cá chêm, cá biển và các loại thức ăn dành cho gia súc, gia cầm....

7.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005
- Kiểm tra quá trình sản xuất gồm các giai đoạn: kiểm tra trước sản xuất, kiểm tra trong quá trình sản xuất và kiểm tra sau sản xuất
 - Kiểm tra trước: Phân tích xác định các tiêu chuẩn và chỉ tiêu về chất lượng và số lượng nguyên liệu để bắt đầu đưa vào sản xuất.
 - Kiểm tra trong quá trình sản xuất: Kiểm tra số lượng và thời gian hoàn thành quá trình sản xuất cho các sản phẩm đầu ra.
 - Kiểm tra trước và trong quá trình sản xuất: Làm tăng chất lượng và hiệu quả dây chuyền sản xuất.
 - Kiểm tra sau: Phân tích đầu ra của quy trình sản xuất để đảm bảo các yêu cầu về chất lượng sản phẩm.
- Bên cạnh đó, trước yêu cầu của thị trường về việc sản xuất thức ăn thủy sản sạch và đảm bảo chất lượng ngày càng cao, Công ty đang đầu tư xây dựng lắp đặt dây chuyền mới hiện đại đáp ứng phù hợp qui trình quản lý và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm.

7.8 Hoạt động marketing

- Tổ chức kênh phân phối bán hàng



- **Quản trị đội ngũ bán hàng:**

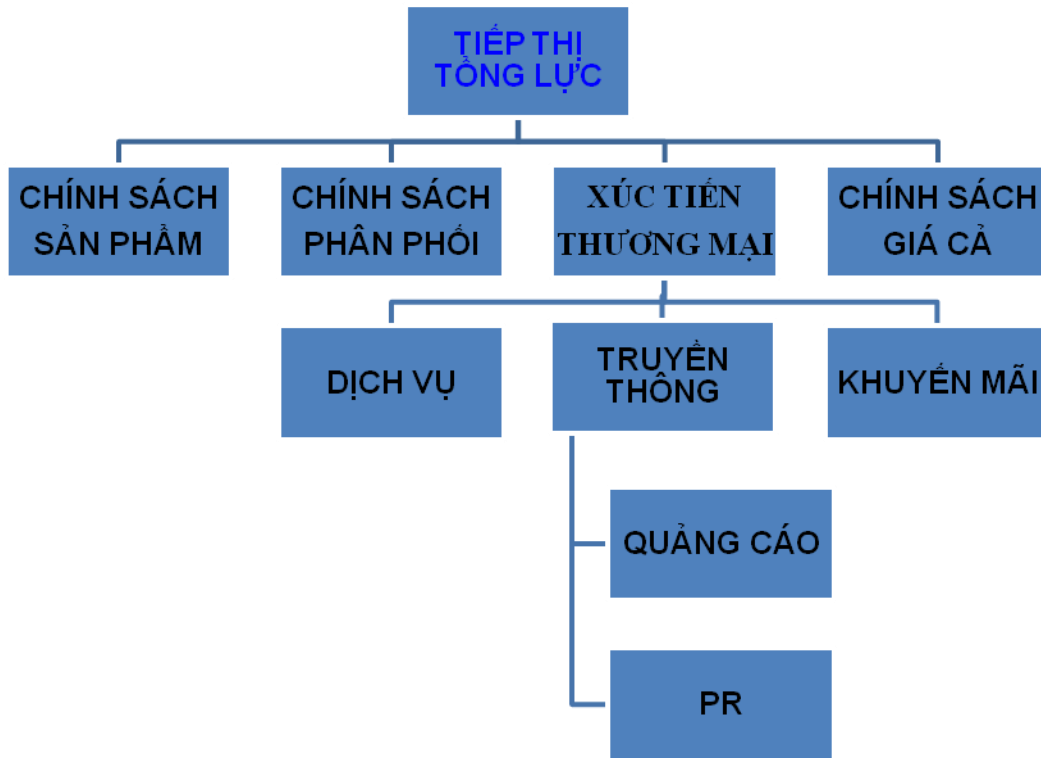
- Việc huấn luyện, xây dựng môi trường đạo đức trong sạch từ cấp trên xuống cấp dưới luôn được Ban lãnh đạo của Công ty quan tâm và theo dõi sát sao.
- Lực lượng bán hàng phải được truyền đạt những mệnh lệnh rõ ràng. Theo đó, nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn được phân định rõ theo từng vị trí trong sơ đồ tổ chức bán hàng, kèm theo lương bổng và những chế độ đãi ngộ hợp lý.

- **Xây dựng thương hiệu mạnh**

- Công ty xác định rằng thương hiệu chính là cách duy nhất tạo nên sự khác biệt cho một sản phẩm. Do đó, để phát triển thành công việc kinh doanh, Việt Thắng cần phải xây dựng một thương hiệu mạnh.
- Ngoài ra, xây dựng thương hiệu mạnh nhằm làm gia tăng mối quan hệ với khách hàng hiện tại cũng như tạo cơ hội để tiếp cận với khách hàng mới. Thông qua hình ảnh thương hiệu, Công ty muốn khẳng định sự thành công của mình trong việc làm hài lòng khách hàng với các sản phẩm tối ưu nhất của Công ty.
- Với những mục tiêu trên, Công ty đã ý thức được tầm quan trọng trong việc phát triển và giữ gìn thương hiệu. Sự sống của thương hiệu đồng hành với việc cam kết: *"Việt Thắng luôn là bạn đồng hành của người chăn nuôi"*.

- **Chiến lược Marketing**

- Việt Thắng chủ trương xây dựng chiến lược Marketing là nhằm tạo vị thế cạnh tranh trên thương trường, đưa sản phẩm và các thông tin về sản phẩm đến khách hàng một cách hiệu quả nhất.
- Mô hình chiến lược Marketing của Công ty CP Thủy Sản Việt Thắng:



- Quản trị thông tin marketing

- Quản trị thông tin về bán hàng: Các nhân viên kinh doanh tổng hợp tình hình kinh doanh trong khu vực mình phụ trách và báo cáo (ngày, tuần, tháng, năm) cho trưởng phòng kinh doanh. Từ đó Công ty có thể điều chỉnh hoặc củng cố kế hoạch kinh doanh đã xây dựng nhằm đạt và vượt các mục tiêu kinh doanh đề ra.
- Quản trị thông tin các chương trình quảng cáo, khuyến mãi: Các thông tin thực hiện thực tế và các kết quả doanh số thu được sẽ được cập nhật vào hồ sơ mỗi chương trình khuyến mãi, quảng cáo để phân tích tác động của hoạt động mang đến hiệu quả kinh doanh. Từ đó, Công ty làm cơ sở xây dựng các kế hoạch marketing sắp tới.

7.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Thương hiệu đăng ký: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

- Logo Công ty :





- Ý nghĩa thương hiệu: Việt Thắng với biểu tượng con cá (ghép từ chữ V và chữ T) nằm trong vòng tròn quả địa cầu. Thức ăn thủy sản Việt Thắng chuyên cung cấp thức ăn thủy sản trên toàn cầu với chất lượng tốt nhất và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000:2005.
- Logo của Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa độc quyền tại: Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thời gian bảo hộ: 10 năm tính từ ngày 21 tháng 05 năm 2007

7.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

- Hiện nay, hợp đồng với các khách hàng truyền thống của Công ty trung bình chiếm 90% sản lượng, phần còn lại là các khách hàng mới.

Bảng 8. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

TT	Khách hàng	Sản phẩm	Giá trị HĐ (Tỷ VNĐ)	Thời gian thực hiện HĐ
1	Nguyễn Thành Công	Thức ăn thủy sản	100	01/01/2010 – 31/12/2010
2	Công ty CP Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây	Thức ăn thủy sản	100	01/01/2010 – 31/12/2010
3	Công ty TNHH TM DV Phước Anh	Thức ăn thủy sản	150	01/01/2010 – 31/12/2010
4	Huỳnh Thị Ngộ	Thức ăn thủy sản	100	01/01/2010 – 31/12/2010
5	Công ty CP Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1	Thức ăn thủy sản	100	01/01/2010 – 31/12/2010
6	Khuru Đức Hùng	Thức ăn thủy sản	85	01/01/2010 – 31/12/2010
7	Chi nhánh Công ty CP Docimexco-Docifish	Thức ăn thủy sản	60	01/01/2010 – 31/12/2010
8	Công ty Cổ phần XNK Thủy sản An Giang	Thức ăn thủy sản	130	01/01/2010 – 31/12/2010
9	Thái Văn Minh	Thức ăn thủy sản	135	01/01/2010 – 31/12/2010
10	Lê Dương Thiện	Thức ăn thủy sản	50	01/01/2010 – 31/12/2010
11	Các khách hàng khác	Thức ăn thủy sản	1.260	01/01/2010 – 31/12/2010

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây.

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây:

Bảng 9. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2008	% tăng / (giảm) so với 2007	NĂM 2009	% tăng / (giảm) so với 2008	Q1/2010
1	Tổng giá trị tài sản	317.800	370.307	16,52%	641.256	73,17%	766.628
2	Doanh thu thuần	914.892	1.171.741	28,18%	1.680.363	40,81%	517.398
3	LN thuần từ HĐKD	52.011	-66	-100,13%	45.370	68557,93%	694.255
4	Lợi nhuận khác	362	1.242	242,96%	153	-87,67%	220
5	Lợi nhuận trước thuế	52.373	1.176	-97,76%	45.523	3771,85%	914.255
6	Lợi nhuận sau thuế	48.412	1.042	-97,85%	40.658	3803,17%	592.248
7	Tỷ lệ cổ tức / VĐL	64,25%	0%		10%		0,33

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007,2008, 2009 và BCTC Q1/2010

- Tổng tài sản đến cuối năm 2009 tăng cao so cuối năm 2008 là do những nguyên nhân sau:
 - Hàng tồn kho tăng: do đầu năm công ty mua trữ nguyên liệu để sản xuất cả năm nên đến cuối năm thì một số nguyên liệu còn tồn kho nhiều và được dùng để sản xuất tiếp trong năm tiếp theo.
 - Các khoản phải thu khách hàng tăng: do trong năm 2009, áp lực cạnh tranh tiêu thụ thức ăn thủy sản rất lớn khi các Công ty đưa ra nhiều chính sách để bán được hàng mà quan trọng nhất là chính sách công nợ. Vì vậy, Việt Thắng đã chọn một số khách hàng lớn, có năng lực để bán hàng có công nợ, hỗ trợ tín dụng để khách hàng mở rộng sản xuất.
 - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng: do tại thời điểm cuối năm Công ty chuẩn bị tiền mặt để mua ngoại tệ và trả lãi vay ngoại tệ trong năm 2010.
- Doanh thu thuần năm 2008 tăng 28,13% so với năm 2007 chủ yếu là do sản lượng và giá bán đều gia tăng, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm 2008. Tuy nhiên, chi phí lãi vay tăng mạnh và lỗ chênh lệch tỷ giá đã làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất của Công ty trong năm 2008. Cụ thể là lợi nhuận trước thuế giảm 97,76%.
- Năm 2009, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh tương đối tốt khi dẫn đầu thị trường về thức ăn cá. Sản lượng tiêu thụ của Công ty trong năm đạt 243.771 tấn và doanh thu thuần đạt 1.680.363 triệu đồng. Kết quả kinh doanh trên nhìn chung phù hợp với kế hoạch của Công ty trong năm 2009. (Nguồn: Công ty tiến hành điều tra và căn cứ vào công suất sản xuất của các nhà máy, nhu cầu của toàn thị trường trong năm, lượng khách hàng của từng nhà máy).
- Tỷ lệ chia cổ tức: Do năm 2007 Công ty đạt kết quả kinh doanh tốt nên Công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 64,25%. Năm 2008, do tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới làm ảnh hưởng

nghiêm trọng đến hoạt động SXKD nên Công ty không tiến hành chi trả cổ tức. Năm 2009, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 10%.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty :

❖ Những nhân tố thuận lợi:

- Là một trong những doanh nghiệp sản xuất thức ăn cá đầu tiên đầu tư vào tỉnh Đồng Tháp nên Công ty hưởng được nhiều ưu đãi của tỉnh như được miễn giảm tiền thuê đất. ...
- Việt Thắng có đội ngũ lãnh đạo và CBCNV đều là những người có nhiều kinh nghiệm, năng động và tâm huyết về ngành chế biến thức ăn cá. Đây chính là nền tảng vững chắc để Công ty phát triển liên tục trong các năm qua cũng như trong thời gian sắp tới.
- Công ty có vị trí địa lý thuận lợi, các nhà máy nằm ngay tại trung tâm của vùng nuôi cá, và giáp hai con sông lớn là sông Tiền và sông Hậu nên việc vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm rất thuận lợi và tiết kiệm chi phí. Đây là một trong những lợi thế lớn của Việt Thắng so với các Công ty cùng ngành khác.
- Ngoài ra, Công ty còn nằm ngay tại trung tâm của vùng chế biến gạo xuất khẩu nên rất thuận lợi trong việc thu mua nguyên liệu cám gạo để chế biến thức ăn với số lượng lớn và giá cạnh tranh.

❖ Một số khó khăn:

- Nguyên liệu chế biến thức ăn qua các năm liên tục tăng, cụ thể giá nguyên liệu hiện tại bình quân đã tăng 100% so với khoảng từ 04-05 năm về trước. Tuy nhiên giá bán của thức ăn thủy sản lại không thể tăng theo kịp do người nuôi cá đang gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh. Để hạn chế tình trạng này, Công ty tập trung mua trữ tại thời điểm giá thấp nhất trong năm để giá thành luôn ổn định. Các nguyên liệu nhập khẩu khi vào mùa vụ Công ty cũng ký những hợp đồng chốt giá với thời gian giao hàng xa hơn để đảm bảo giá nhập tương đối thấp.
- Việc nhập khẩu hiện tại 100% thanh toán bằng tiền USD. Do sự biến động của tỷ giá nên việc mua USD sẽ khó khăn hoặc Công ty phải mua với giá cao. Trước khó khăn này, để đảm bảo đủ nguồn ngoại tệ thì ngoài tìm những nguồn từ các ngân hàng thương mại, công ty cũng chủ động liên hệ mua lại từ các công ty xuất khẩu thông qua ngân hàng. Ngoài ra, Công ty còn ký kết các hợp đồng mua USD kỳ hạn để kiểm soát chi phí, không để phát sinh lỗ do biến động tỷ giá.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

- Việt Thắng là một trong những Công ty đầu tiên sản xuất thức ăn cá, được thành lập từ lúc ban đầu theo sự phát mạnh trong nghề nuôi cá tra. Do đó, sản phẩm của Công ty đã sớm chiếm được thị trường. Với chất lượng sản phẩm tốt, có tính ổn định và luôn cải tiến nên được người tiêu dùng tín nhiệm. Đây chính là cơ sở của sự phát triển ổn định trong thời gian sắp tới.
- Theo đánh giá của các Công ty chế biến thủy sản thì khi sử dụng thức ăn thủy sản của Việt Thắng sẽ đem lại hiệu quả sản phẩm tốt hơn như thịt cá trắng đều hơn và tỷ lệ thu hồi phi lê cao hơn. Do vậy, thị phần của Việt Thắng chiếm tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Bảng 10. Thị phần của Công ty tại một số thị trường chính

STT	Tỉnh	Thị phần chiếm
1	Đồng Tháp	25%
2	Vĩnh Long	12%
3	Tiền Giang & Bến Tre	13%
4	An Giang	29%
5	Cần Thơ & Hậu Giang	21%

Nguồn: Phòng thị trường của Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

- Từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2009, sản lượng thức ăn cá đã bán của Việt Thắng là 194.652 tấn, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2008. Tổng sản lượng bán hàng năm 2009 là 242.000 tấn, tăng 49% so với cả năm 2008.
- Dựa vào nghiên cứu của Công ty theo công suất sản xuất của các nhà máy, nhu cầu của toàn thị trường trong năm và lượng khách hàng của từng nhà máy, cho thấy rằng Việt Thắng hiện đang dẫn đầu về thị trường thức ăn cá tại Việt Nam.
- Dựa trên tổng sản lượng thức ăn thủy sản cung cấp cho thị trường của các Doanh nghiệp cùng ngành có tên tuổi, Công ty đã nghiên cứu thị phần thức ăn thủy sản của Việt Thắng và các đối thủ cạnh tranh chính như sau

Bảng 11. Các đối thủ cạnh tranh chính của Công ty

STT	Tên Công ty	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
		Sản lượng	Thị phần	Sản lượng	Thị phần	Sản lượng	Thị phần
1	Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng	162.000	9,58	163.000	6,62	243.700	15,23
2	Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	172.000	10,17	170.000	6,90	191.000	11,94
3	Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam	120.000	7,09	132.000	5,36	120.000	2,63
4	Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam	100.000	5,91	84.000	3,41	42.000	2,63
5	Công ty TNHH Uni-President Việt Nam	60.000	3,55	60.000	2,44	42.000	2,63
6	Công ty TNHH Cargill Việt Nam	60.000	3,55	48.000	1,95	36.000	2,25
7	Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam	42.000	2,49	30.000	1,22	24.000	1,50
8	Tổng các Công ty khác	626.600	37,02	977.500	39,67	901.300	56,33

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

- Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thức ăn thủy sản, sản phẩm của Việt Thắng hầu hết chiếm tỷ trọng lớn trên thị trường : 9,58% trong năm 2007 và 6,62% trong năm 2008. Do biến động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong năm 2008 nên thị phần của Công ty có phần bị sụt giảm. Tuy nhiên, thị phần của Công ty trong năm 2009 đã gia tăng đáng kể với tỷ lệ là 15,23% .

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

- Trong các nước xuất khẩu thủy sản trên thế giới, Việt Nam được coi là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng thủy sản nhanh nhất, với tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 1998-2008 đạt 18%/năm (Nguồn: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep))
- Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong năm 2008, cả nước có thêm 15.600ha diện tích nuôi trồng thủy sản, đưa tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của cả nước đạt khoảng 1.065.000 triệu ha. Các chuyên gia ngành thủy sản đánh giá, thời gian qua, nghề nuôi thủy sản phát triển khá nhanh cả về sản lượng và diện tích, đặc biệt là nuôi cá tra, basa thâm canh, cá nuôi bè do nhu cầu chế biến cá tra xuất khẩu của các doanh nghiệp rất lớn và nhu cầu tiêu thụ trong nước khá cao.
- Dựa trên các tài liệu báo cáo tổng hợp của từng địa phương trong việc gia tăng diện tích nuôi trồng thủy sản, Công ty đánh giá tiềm năng của thị trường thức ăn thủy sản tại một số thị trường chính trong giai đoạn 2010-2012 như sau:

Bảng 12. Thị trường tại một số tỉnh trong giai đoạn 2010-2012

STT	Tỉnh	Nhu cầu thức ăn thức ăn (tấn)		
		Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	An Giang	542.500	692.300	697.500
2	Cần Thơ	465.000	520.800	604.500
3	Hậu Giang	77.500	86.000	116.250
4	Sóc Trăng	38.500	61.100	69.750
5	Đồng Tháp	542.500	607.600	651.000
6	Vĩnh Long	155.000	217.000	232.500
7	Tiền Giang	116.000	151.900	162.750
8	Bến Tre	170.500	260.400	279.000
9	Các tỉnh khác	57.000	65.100	69.750

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

- Theo kết quả nghiên cứu trên thì nhu cầu về sản lượng thức ăn thủy sản của các tỉnh sẽ tăng trung bình 30% trong giai đoạn 2010-2011 và 11% trong giai đoạn 2011-2012

9.3 Chiến lược phát triển của Công ty

a. Lựa chọn chiến lược cạnh tranh:

- Chiến lược dựa vào khách hàng:
 - Lấy ngắn nuôi dài, tiếp tục mở rộng thị trường, phát triển thêm khách hàng mới tại những vùng trắng như: Sóc Trăng, Trà Vinh, Hậu Giang... Đây là những vùng mà công ty chưa tiêu thụ sản phẩm nhiều do những vùng này mới phát triển sau
 - Nghiên cứu và cho ra những dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Chiến lược tạo lợi thế cạnh tranh:
 - Tạo uy tín cho Công ty thông qua chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ

- Tạo sự khác biệt về sản phẩm như sản phẩm có chứa chất Omega 3.
- Xây dựng hình ảnh Công ty thông qua các hoạt động tài trợ.
- Xây dựng thương hiệu Công ty Việt Thắng ngày càng vững mạnh – uy tín – chất lượng. Trong đó, thể hiện nhất quán “logo” và khẩu hiệu “một cam kết – một niềm tin” của Công ty mọi lúc mọi nơi trong tất cả các hoạt động kinh doanh

b. Chiến lược phát triển của Công ty

- Hợp tác, liên kết với Công ty chế biến thủy sản đông lạnh
 - Hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức nuôi và đầu ra có chất lượng cho các Công ty thủy sản; từng bước thực hiện liên kết dọc chuỗi giá trị sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hướng tới mô hình sản xuất khép kín và bảo vệ môi trường.
- Hợp tác với các định chế tài chính chuyên nghiệp, các đối tác chiến lược:
 - Việt Thắng đã và đang tiếp cận với các định chế tài chính chuyên nghiệp, các đối tác chiến lược nhằm mục đích có thêm nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Mục tiêu liên doanh: tăng thêm nguồn vốn cho Công ty và hỗ trợ các kế hoạch phát triển mở rộng của Công ty trong tương lai trong việc tìm kiếm các đối tác chiến lược về kỹ thuật, công nghệ cũng như trong việc thảo luận, đàm phán với các đối tác đó.
- Liên doanh với các tổ chức khoa học nước ngoài
 - Nhằm mục đích tiếp cận nhanh nhất các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành thủy sản và các phương pháp quản lý điều hành mới để đưa việc quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng chuyên nghiệp hơn, tăng giá trị thương hiệu, tăng sức mạnh cạnh tranh trên thị trường.
 - Đào tạo cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật.
 - Hỗ trợ và phối chế các công thức mới về dinh dưỡng cho cá.
 - Phát triển các đối tượng nuôi mới mà điều kiện Việt Nam có thể nuôi được và thức ăn chuyên biệt cho các loài cá khác nhau đó như cá mú, cá chẽm, cá hồi....
 - Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật nuôi cá phù hợp hơn nữa với điều kiện Việt Nam.
 - Tư vấn về hệ thống quản lý thông tin, pháp luật an toàn thực phẩm.
 - Hỗ trợ phát triển thương hiệu và phát triển việc bán hàng.

9.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

- Tổ chức Nông Lương Liên Hiệp quốc (FAO) dự báo tổng sản lượng thủy sản của thế giới sẽ tăng từ 129 triệu tấn năm 2010 lên 159 triệu tấn vào năm 2015 và 172 triệu tấn vào năm 2020 với tốc độ tăng trưởng bình quân 2,1%/năm trong giai đoạn đến 2010 và 1,6%/năm giai đoạn 2010 - 2020, chủ yếu nhờ tăng sản lượng thủy sản nuôi. So sánh các dự báo về cung và cầu thủy sản cho thấy nhu cầu sẽ vượt cung trong tương lai. Do đó, nhu cầu về thức ăn dành cho nuôi trồng thủy sản cũng được đánh giá là rất tiềm năng.
- Hiện nay, Việt Nam đang có lợi thế cả về sản lượng và chất lượng thủy sản. Về chất lượng, thủy sản Việt Nam ngày càng đáp ứng được những tiêu chuẩn và yêu cầu khắt khe hơn từ các thị trường nhập khẩu. Để đáp ứng các yêu cầu này, người nuôi cá phải biết lựa chọn những yếu tố đầu vào sạch để

tạo ra những sản phẩm cá sạch hơn nhằm đáp ứng những quy định về quản lý chất lượng của các nước. Do vậy, thức ăn thủy sản của Việt Thắng luôn được chú trọng về việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Theo đánh giá của các chuyên gia trong ngành thì hiện nay sản phẩm thức ăn thủy sản của Việt Thắng đã được người chăn nuôi đánh giá là sản phẩm thức ăn cho cá với chất lượng hàng đầu tại Việt Nam.

- Như vậy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Tổng số lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2009 là 582 người, với cơ cấu như sau:

Bảng 13. Cơ cấu lao động

PHÂN LOẠI	SỐ NGƯỜI	TỶ TRỌNG (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	2	0,34
Đại học	78	13,40
Cao đẳng, Trung cấp	70	12,03
Lao động phổ thông	432	74,23
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	505	87,11
Lao động gián tiếp	75	12,89

b. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 44h/tuần. Giám đốc đơn vị có thể thoả thuận và yêu cầu CBCNV tăng ca trong trường hợp để đảm bảo nhân lực phục vụ khách theo kế hoạch kinh doanh của đơn vị.
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV của Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.
- Công tác đào tạo:
 - Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, quản lý điều hành, nâng cao tay nghề cho CBCNV
 - Đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật: đây là lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu. Việt Thắng có thể gửi một số nhân viên đến các trại nuôi cá, các nhà máy sản xuất thức ăn, các trung tâm nghiên cứu thủy sản để đào tạo huấn luyện, quản lý kỹ thuật, nghiên cứu công thức chế biến, kỹ thuật nuôi trồng, nghiên cứu, thực nghiệm các kỹ thuật cải thiện chất lượng cá giống ...

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Mức lương bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2008 là 2.049.145 đồng/người/tháng và của 9T/2009 là 2.090.291 đồng/người/tháng.

- Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định.
- Tùy vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty mà có chế độ thưởng định kỳ như sau: Lễ 30/4 và 02/9 mỗi lần thưởng nửa tháng lương. Tết nguyên đán và tết dương lịch thưởng mỗi lần 1 tháng lương. Trung bình 1 năm một người nhận 15 tháng lương.
- Ngoài ra Công ty còn có chính sách khen thưởng đột suất căn cứ vào nguồn trí thức của Công ty thể hiện trong các ý tưởng sáng tạo của cá nhân. Chính sách này nhằm tạo điều kiện cho CBCNV đủ tự tin để thể hiện hết tâm huyết của mình phục vụ công việc sao cho hiệu quả nhất bằng các khuyến khích đăng ký sáng kiến cải tiến, thi đua lao động. Tùy theo giá trị hay hiệu quả mang lại mà Công ty sẽ có chính sách khen thưởng kịp thời.

11. Chính sách cổ tức

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.
- Đại hội cổ đông thường niên biểu quyết các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty, trong đó có chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và tỷ lệ cổ tức.
- Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm của Việt Thắng:

Bảng 14. Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Năm	2007	2008	2009*	2010*	2011*	2012*
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/VĐL)	64,25%	0%	10%	15%	15%	15%

(*) Kế hoạch

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

- Năm 2007: do kết quả kinh doanh tốt nên Công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 64,25%/VĐL
- Năm 2008: do tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD nên Công ty không tiến hành chi trả cổ tức.
- Năm 2009: Công ty đã chi trả cổ tức là 10%/VĐL

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- **Nguyên giá TSCĐ hữu hình:** Được ghi nhận theo giá gốc và toàn bộ các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra để có được TSCĐ đó, tính đến thời điểm sẵn sàng đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh.
- **Nguyên giá TSCĐ vô hình:** Bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Được ghi nhận theo số tiền đã chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng chi phí liên quan như san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- **Khấu hao TSCĐ:** Được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng dự tính của tài sản; tỷ lệ khấu hao áp dụng theo Quyết định 206/QĐ-BTC ngày 12/12/2003. Cụ thể như sau:

TÀI SẢN	THỜI GIAN KHẤU HAO
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 năm - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 năm - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 năm - 5 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm
- Phần mềm quản lý, bản quyền	2 năm - 5 năm

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm ngày 31/03/2010 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.
- **Các khoản phải nộp theo luật định:** Công ty luôn chấp hành tốt các nghĩa vụ về thuế và các khoản nộp khác theo luật định.
- **Trích lập các quỹ theo luật định:** Tỷ lệ trích lập quỹ hàng năm được HĐQT đề xuất căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và do đại hội cổ đông thường niên biểu quyết theo đúng luật định và điều lệ Công ty.

Bảng 15. Bảng trích lập các quỹ

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Quỹ dự phòng tài chính	0	4.578	4.578
Quỹ khác	0	0	0

- **Tổng dư nợ vay:** Tính đến 31/03/2010, Công ty còn nợ vay ngân hàng là 379.570.167.456 đồng. Trong đó khoản vay dài hạn đầu tư nhà máy Sa Đéc 2 còn lại là 24.455.383.479 đồng và vay ngắn hạn dùng mua nguyên liệu sản xuất kinh doanh là 355.114.783.977 đồng.
- **Tình hình công nợ hiện nay:** Đến 31/03/2010, các khoản phải thu của Công ty và công nợ phải trả như sau:

Bảng 16. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NĂM 2007	NĂM 2008	Năm 2009	Q1/2010
1	Phải thu khách hàng	22.885	32.073	170.403	204.314
2	Trả trước người bán	15.428	14.677	19.851	131.648
3	Phải thu khác	3.556	2.197	2.260	19.894
	Cộng	41.869	48.946	192.514	355.856

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Q1/2010

Bảng 17. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NĂM 2007	NĂM 2008	Năm 2009	Q1/2010
I	Nợ ngắn hạn :	176.513	243.455	325.956	450.205
1	Vay và nợ ngắn hạn	126.755	208.381	102.875	361.775
2	Phải trả người bán	26.711	13.260	163.077	75.057
3	Người mua trả tiền trước	2.133	208	16.239	7.718

4	Thuế phải nộp	5.050	657	1.700	339
	Phải trả người lao động	-	-	-	1.146
5	Chi phí phải trả	13.189	16.136	26.187	584
6	Các khoản phải trả khác	2.675	4.812	15.879	3.586
II	Nợ dài hạn	18.009	26.977	18.305	18.298
1	Vay và nợ dài hạn	18.009	26.675	17.795	17.795
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	302	510	503
III	Tổng Cộng	194.522	270.432	344.261	472.658

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Q1/2010

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TTS ngắn hạn / nợ ngắn hạn)	1,22	0,93	1,51
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng TK / nợ ngắn hạn)	0,43	0,32	0,78
2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn (%)			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	61,21%	73,03%	53,69%
Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu	157,79%	270,77%	115,91%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	9,27	7,60	7,90
Doanh thu thuần / tổng tài sản	2,88	3,16	2,58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)			
Lợi nhuận sau thuế / DT thuần	5,29%	0,09%	2,46%
Lợi nhuận sau thuế / vốn CSH	39,27%	1,04%	13,69%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	15,23%	0,28%	6,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,68%	-0,01%	2,74%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009

❖ Phân tích các chỉ số:

a. Chỉ tiêu khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy trong ngắn hạn tình hình tài chính của công ty qua các năm là khá an toàn. Hệ số thanh toán 2008 giảm so với 2007 do trong năm 2008, do ảnh hưởng từ những biến động của kinh tế thế giới và trong nước làm cho tình hình kinh doanh của công ty không thuận

lợi, nợ ngắn hạn cao, hàng tồn kho lớn. Trong năm 2009, để cải thiện tình hình tài chính cho an toàn hơn, công ty đã liên kết với các đối tác chiến lược dưới hình thức góp vốn và phát hành cổ phiếu. Ngoài ra, với kết quả kinh doanh đạt được khả quan, tình hình tài chính đã được cải thiện rõ rệt.

- Hệ số thanh toán nhanh qua các năm cho thấy công ty không thể ngay một lúc trả hết các khoản nợ ngắn hạn, đây là tình hình chung của hầu hết công ty sản xuất. Do đặc điểm của công ty nguyên liệu là hàng nông sản có tính mùa vụ và một số nguyên liệu chính phải nhập khẩu nên công ty phải luôn đảm bảo hàng tồn kho tối thiểu 30 ngày sản xuất, vì vậy giá trị nguyên liệu tồn kho thường lớn nên ảnh hưởng lớn đến hệ số thanh toán này. Tuy nhiên tình hình được cải thiện rất tốt trong năm 2009, số liệu cho thấy trong thời gian ngắn công ty có thể thanh toán ngay 75% các khoản nợ ngắn hạn mà không cần đến hàng tồn kho và tài sản dài hạn.
- b. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn
 - Hệ số nợ/ tổng tài sản qua các năm cho thấy từ 53,64% đến 73,03% tài sản của công ty được hình thành từ nợ phải trả. Trong năm 2007 và năm 2009, với tình hình kinh doanh ổn định cùng với chí phí sử dụng vốn thấp nên hệ số nợ trên rất an toàn. Tuy nhiên hệ số nợ năm 2008 không được tốt do khủng hoảng kinh tế làm cho tình hình kinh doanh trong năm không được thuận lợi và chí phí sử dụng vốn cao.
 - Do đặt điểm kinh doanh nên phần lớn tài sản của công ty nằm ở tài sản lưu động. Các chỉ tiêu cơ cấu vốn ở các năm công ty có hệ số nợ tương đối an toàn. Năm 2008 khi tình hình kinh doanh không thuận lợi, chí phí sử dụng vốn cao thì hệ số nợ cao là một gánh nặng đối với tài chính công ty, tuy nhiên tình hình đã cải thiện mạnh trong năm 2009.
- c. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động
 - Vòng quay hàng tồn kho qua các năm giảm dần cho thấy tốc độ lưu chuyển hàng tồn kho chậm dần, đây là điều công ty cần phải thiện trong thời gian tới. Tình hình vòng quay hàng tồn kho giảm qua thời gian một phần là do tình hình nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm và tăng giá nên công ty càng phải tập trung trữ hàng nhiều hơn khi vào mùa vụ để ổn định giá thành.
 - Doanh thu thuần/tổng tài sản qua các năm tương đối ổn định cho thấy tình hình kinh doanh của Công ty vẫn được đảm bảo mặc dù năm 2008 là năm khó khăn chung của tình hình kinh tế thế giới. Năm 2009 tình hình kinh doanh phát triển tốt, doanh số tăng nhanh nên hệ số doanh thu thuần/ tổng tài sản sẽ được cải thiện mạnh.
- d. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi
 - Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi trong năm 2008 giảm mạnh so với năm 2007 là do tình hình khó khăn của kinh tế thế giới và trong nước. Ngoài ra, năm 2008 cũng là một năm có nhiều bất ổn của thị trường tài chính trong nước với chí phí vay vốn cao và tỷ giá VNĐ/USD tăng đột biến đã làm chí phí tài chính tăng mạnh dẫn đến các chỉ số tỷ lệ lợi nhuận của công ty gần như bằng không. Đây cũng là tình hình chung của hầu hết các công ty năm 2008. Trong năm 2009, tình hình kinh doanh được cải thiện đáng kể so với năm 2008 do Công ty có nhiều biện pháp như liên kết với đối tác chiến lược qua hình thức góp vốn để cải thiện tình hình tài chính và nhận được hỗ trợ về giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm từ các đối tác này.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
Bảng 19. Danh sách HĐQT, BTGD, BKS, KTT

TT	Họ và tên	Chức vụ	CMND
	Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Quang Hiền	CT HĐQT kiêm TGĐ	021247462
2	Lương Nam Hữu	Phó CT HĐQT	023699940
3	Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	300190141
4	Mã Minh Quang	Ủy viên HĐQT	385479954
5	Nguyễn Minh Ban	Ủy viên HĐQT	210035151
6	Dương Ngọc Minh	Ủy viên HĐQT	012997925
7	Lê Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT	020368309
	Ban Tổng Giám đốc		
1	Huỳnh Dương Duy Tâm	Phó TGĐ	361692267
2	Vũ Đình Châu	Phó TGĐ	270907658
	Ban kiểm soát		
1	Phạm Xuân Tùng	Trưởng BKS	022246787
2	Nguyễn Văn Thành	Thành viên BKS	300680809
3	Võ Minh Phương	Thành viên BKS	020077902
	Kế toán trưởng		
1	Huỳnh Văn Hoàng	GD tài chính kiêm Kế toán trưởng	300799224

Hội Đồng Quản Trị
1. Ông Nguyễn Quang Hiền

- Họ và tên: Nguyễn Quang Hiền
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20-11-1961
- Số CMND: 021247462 cấp ngày 13/9/2002 do CA TP HCM cấp
- Nơi sinh: Củ chi. TP HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Củ chi, TP HCM
- Địa chỉ thường trú: 46H Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, Tp HCM
- Số điện thoại liên lạc: 067-3708767 . DĐ: 0913 126 981
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học
- Quá trình công tác:
 - 1984 – 1992 : Nhân viên Phân Viện Quy hoạch Thiết kế Nông nghiệp
 - 1992 – 1997 : Phụ trách Nguyên liệu Công ty Proconco
 - 1997 – 2003 : Giám đốc nhà máy Cần Thơ, Công ty Proconco

- 2003 – tháng 02/2009 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Tháng 02/2009 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 315.618 cổ phần, chiếm 1,75% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết :
 - Vợ Trần Thị Thơm, nắm giữ 65.210 cổ phần cá nhân chiếm 0,36% VĐL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Lương Nam Hữu

- Họ và tên: Lương Nam Hữu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/05/1953
- Số CMND: 023699940 ngày 25/03/1999 do CA TP HCM cấp
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lạng Sơn
- Địa chỉ thường trú: 1-3 Nhiều Tâm, phường 5, quận 5, Tp HCM
- Số điện thoại liên lạc: 020 3837868 ; ĐĐ: 0982252803
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 1978 – 1980 : Nông trường Dương Minh Châu. Chức vụ: Phó Phòng Kế hoạch.
 - 1980 – 1983 : Liên Hiệp Mía Đường. Chức vụ: Phụ trách Thống kê Tổng hợp
 - 1985 – 1991 : Liên hiệp Chăn nuôi heo TP. HCM. Chức vụ: GD Xí nghiệp Nguyên liệu Miền Đông.
 - 1991 – 2003 : Công ty Proconco. Chức vụ: GD Các Nhà Máy
 - 2003 – 2007 : Công ty Greenfeed. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
 - 2007 đến nay : Công ty CP Hóa Chất Phúc Lâm. Chức vụ: Tổng Giám đốc
 - Tháng 02/2008 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng

- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm – Tổng Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 136.500 cổ phần, chiếm 0,76% VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Vợ Lê Thị Huệ, nắm giữ 104.966 cổ phần cá nhân chiếm 0,58% VĐL;
 - Con Lương Huy Tân, nắm giữ 126.434 cổ phần cá nhân chiếm 0,70% VĐL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ông Nguyễn Văn Thắng

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1960
- Số CMND: 300190141 ngày 07/11/2005 do CA tỉnh Long An cấp
- Nơi sinh: Đức Hòa, Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Hòa, Long An
- Địa chỉ thường trú: 52 Huỳnh Việt Thanh, Phường 2, TP Tân An, Long An
- Số điện thoại liên lạc: 0673-764159. ĐĐ: 0913958126
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1991 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH TM Chiến Thắng
 - Từ tháng 3/2005 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Cao Trí
 - Tháng 11/2002 đến tháng 11/2003: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
 - Tháng 12/2003 đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty TNHH TM Chiến Thắng – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- Công ty TNHH Cao Trí – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 852.952 cổ phần, chiếm 4,73 % VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Vợ Tăng Thị Linh Quyên nắm giữ 432.997 cổ phần cá nhân chiếm 2,40 %VĐL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Ông Mã Minh Quang

- Họ và tên: Mã Minh Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/7/1961
- Số CMND: 385479954 ngày 24/03/2009 do CA tỉnh Bạc Liêu cấp
- Nơi sinh: Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú: C1A Trần Phú, phường 3, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- Số điện thoại liên lạc: 0913973152
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: có kinh nghiệm quản lý trong nhiều năm
- Quá trình công tác:
 - 1990 – đến nay : Chủ Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến Bến Tre– Chủ Doanh nghiệp
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 555.861 cổ phần, chiếm 3,08 % VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Vợ Tăng Kim Huệ nắm giữ 53.550 cổ phần cá nhân chiếm 0,30 % VĐL.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

5. Ông Nguyễn Minh Bạ

- Họ và tên: Nguyễn Minh Bạ
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1958
- Số CMND: 272 003 181 cấp ngày 17/11/2005 tại CA tỉnh Đồng Nai cấp
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: E92, Phường Xuân Khánh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc: 061 3877129. ĐĐ: 0913850770
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: có kinh nghiệm quản lý trong nhiều năm
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1997 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Minh Huy
 - Tháng 11/2002 đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty TNHH Minh Huy – Giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 725.140 cổ phần, chiếm 4,02 % VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Vợ Võ Thị Hương nắm giữ 36.257 cổ phần cá nhân chiếm 0,20 %VĐL
 - Con Nguyễn Minh Huy nắm giữ 153.362 cổ phần cá nhân chiếm 0,85% VĐL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

6. Ông Dương Ngọc Minh

- Họ và tên: Dương Ngọc Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/10/1956

- Số CMND: 012997925 cấp ngày 20/10/2003 tại CA TP.HCM
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. HCM
- Địa chỉ thường trú: 218/33/7 đường Minh Phụng, phường 6, Quận 6, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 073 3854245
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Chế biến, nuôi trồng thủy hải sản
- Quá trình công tác:
 - 1978-1987 Chỉ Huy trưởng, Phó Giám Đốc Nông Trường Duyên Hải .
 - 1988-1994 Giám Đốc Công ty Chế Biến Thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương
 - 2003-2006 Giám Đốc Công ty TNHH Hùng Vương
 - 2007-2010 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Hùng Vương
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty CP Hùng Vương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
 - Công ty CP XNK Thủy sản An Giang (Agifish) - Phó Chủ tịch HĐQT;
 - Công ty CP Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền tây - Chủ tịch HĐQT ;
 - Công ty CP Địa ốc An Lạc; Châu Âu-Tiền Giang - Chủ tịch HĐQT
 - Công ty TNHH Hùng Vương-Vĩnh Long - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên ;
 - Công ty TNHH An Lạc-Tiền Giang; Châu Á-Tiền Giang - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,55 % VDL
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Công ty CP Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền tây : 5.630.000 CP chiếm 31,23% VDL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

7. Ông Lê Mạnh Đức

- Họ và tên: Lê Mạnh Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1956
- Số CMND: 020368309 cấp ngày 07/03/2005 tại CA TP.HCM



- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 104/1198 đường Nguyễn Văn Lượng, P17,Q.GV,TPHCM
- Số điện thoại liên lạc: 0903912487
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Sản
- Quá trình công tác:
 - 1980 Tốt nghiệp Đại Học
 - 1980-1987: Giáo Viên Đại Học Nông Lâm
 - 1988-1993: Nhân viên KCS Seaprodex
 - 1993-1995: Phó GD Xí nghiệp Thủy sản, Công Ty TNTH An Giang
 - 1995-1997: Giám đốc Chi nhánh, Công ty CP XNK Thủy sản An Giang (Agifish)
 - 1997-2008: Phó TGD, Công Ty CP Thủy sản Vĩnh Hoàn
 - 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty Cổ phần Hùng Vương Hiệp Quang – Chủ tịch HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ban Giám đốc

1. Ông Huỳnh Dương Duy Tâm

- Họ và tên: Huỳnh Dương Duy Tâm
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1971
- Số CMND: 361692267 ngày 02/01/2003 do Công an TP. Cần Thơ cấp
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 135 Mậu Thân, Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc: 0673 762 648. ĐĐ: 0913126805
- Trình độ văn hoá: 12 / 12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1995 đến năm 2006: Nhân viên Công ty Proconco
 - Từ năm 2006 đến nay: làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 31.496 cổ phần, chiếm 0,17%VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Vũ Đình Châu

- Họ và tên: Vũ Đình Châu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/ 06/1962
- Số CMND: 270907568 ngày 15/03/2005 do CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 176/1 Trương Công Định, TP Vũng Tàu. Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số điện thoại liên lạc: 0673 649 567. ĐĐ: 0913126978
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 1985-1991: Phó GD Nông trường Cà phê Châu Thành, Công ty Cà phê Đồng Nai.
 - 1991-1999 : Phó TGD Công ty Cao su Thống Nhất (B Rịa – V Tàu)
 - 1999-2003: Phụ trách Lash sản xuất bột cá Công ty Proconco.
 - 2003 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CPTS Việt Thắng.

- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy sản Việt Thắng kiêm GD Chi nhánh Lai Vung
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
 - Cá nhân sở hữu: 50.577 cổ phần, chiếm 0.28% VDL
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Vợ : Lương Thị Hoà nắm giữ 50.576 cổ phần cá nhân chiếm 0,28%VDL
 - Em gái: Vũ Thị Phượng nắm giữ 61.075 cổ phần cá nhân chiếm 0,34%VDL.
 - Em trai: Vũ thanh Phát nắm giữ 50.576 cổ phần cá nhân chiếm 0,28%VDL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

Ban Kiểm Soát

1. Ông Phạm Xuân Tùng

- Họ và tên: Phạm Xuân Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/05/1970
- Số CMND: 022246787 ngày 30/05/2001 do CA TP. HCM cấp
- Nơi sinh: Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 453/13 KH Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại liên: 84 8 38491583
- Trình độ văn hoá: Đại học chính quy
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế thương mại
- Quá trình công tác:
 - 1993 - 2003: Phó phòng Bảo hiểm Xã hội TP.HCM
 - 2003 - nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Tuấn
 - 2008 - nay: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
- Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,55% VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thành
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1970
- Số CMND: 300680809 cấp ngày 26/05/2004 do CA tỉnh Long An cấp
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ấp 6 xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: Số 7 đường Huỳnh Việt Thanh, F2, Thành Phố Tân An, Long An
- Số điện thoại liên lạc: 072 3826476 - 0918439757
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO
 - Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thủy sản Việt Thắng nhiệm kỳ 2008-2013
 - Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO- Chánh Văn phòng tổng hợp
 - Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Vợ Tăng Thị Linh Trang nắm giữ 49.037 cổ phần cá nhân chiếm 0,27%VĐL
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ông Võ Minh Phương



- Họ và tên: Võ Minh Phương
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/05/1958
- Số CMND: 020077902 cấp ngày 19/10/1995 do CA TP. HCM
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 158/2/2 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0902 569 113
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính Kế Toán
- Quá trình công tác:
 - 1980-1988 Giáo viên Đại học Tài Chính Kế Toán TP.HCM
 - 1989-1991 Kế toán trưởng Công ty liên doanh CINOTEC
 - 1992-2001 Chủ doanh nghiệp tư nhân PHƯƠNG MAI
 - 2002-2006 Kế toán và kế toán trưởng Công ty cổ phần INCOMFISH
 - 2007-2010 Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hùng Vương
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty cổ phần Hùng Vương - Thành viên Ban kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Kế toán trưởng**1. Ông Huỳnh Văn Hoàng**

- Họ và tên: Huỳnh Văn Hoàng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26-11-1975
- Số CMND: 300799224 cấp ngày 27/10/2006 do Công an Long An cấp
- Nơi sinh: TP HCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 50/5 Ấp Xóm Cống, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, Long An.
- Số điện thoại liên lạc: 067 3764159 - 0982507607
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành thống kê
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 03/2004 đến tháng 11/2008: Kế toán trưởng Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
 - Từ tháng 12/2008 đến tháng 15/10/2009: Giám đốc Tài chính Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
 - Từ tháng 15/10/2009 đến nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Thủy sản Việt Thắng.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
 - Cá nhân sở hữu: 40.430 cổ phần, chiếm 0,22% VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

14. Tài sản

Tính đến thời điểm 31/03/2010, một số tài sản chủ yếu của Công ty như sau:

Bảng 20. Một số tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/03/2010

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên Giá	Giá Trị hao mòn	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	56.865.973.360	8.898.623.218	47.967.350.142
2	Máy móc, thiết bị	97.325.449.603	28.611.862.260	68.713.587.343
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	14.447.554.732	4.491.574.872	9.955.979.860
4	Dụng cụ quản lý	3.217.502.782	1.226.124.795	1.991.377.987
	Tổng cộng	171.856.480.477	43.228.185.145	128.628.295.332

Nguồn: Báo cáo tài chính Q1/2010

- Nhà cửa vật kiến trúc, giá trị thế chấp 44.887 triệu đồng. Trong đó Nhà cửa vật kiến trúc, giá trị thế chấp 24.889 triệu đồng được giải chấp ngày 31/05/2010. Còn lại Nhà cửa vật kiến trúc giá trị thế chấp 19.998 triệu đồng được giải chấp ngày 20/11/2012.
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải giá trị thế chấp 83.527 triệu đồng. Trong đó Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải giá trị thế chấp 48.757 triệu đồng được giải chấp ngày 31/05/2010. Còn lại Máy móc thiết bị giá trị thế chấp 34.770 triệu đồng được giải chấp ngày 20/11/2012.
- Quyền sử dụng đất nhà máy Sa Đéc 2 giá trị thế chấp là 7.893 triệu đồng được giải chấp ngày 20/11/2012.

Bảng 21. Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời điểm bắt đầu sử dụng	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Nhà máy Sa Đéc 1. Địa chỉ: Lô 4-2, Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	6.811	24/12/2002	46	Đất KCN, thuê trả tiền hàng năm
2	Nhà máy Sa Đéc 2. Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3, Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	42.055,6	01/01/2007	47,5	Đất KCN, thuê trả tiền trước một lần
3	Nhà máy Lai Vung. Địa chỉ: Lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	64.575,1	10/10/2005	45	Đất KCN, thuê trả tiền hàng năm

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

15. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong những năm tiếp theo và kế hoạch đầu tư

15.1 Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong những năm tiếp theo.

Bảng 22. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng doanh thu thuần (triệu đồng)	2.161.121	2.702.658	3.108.057
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	52.248	67.566	83.917
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	2,42%	2,50%	2,70%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (%)	28,99%	29,63%	33,46%
5	Tỷ lệ Cổ tức/vốn ĐL	15%	15%	15%

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

Ghi chú:

- Đầu năm 2009 do ảnh hưởng suy thoái kinh tế nên tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, do vậy, quý 1/2009 sản lượng tiêu thụ còn thấp và kết quả kinh doanh bị lỗ. Từ quý 2/2009 trở đi tình hình kinh doanh khả quan hơn và đến năm 2009 thì doanh số của Công ty tăng trở lại và lãi sau thuế đạt được là 40.658.095.918 đồng.
- Với kế hoạch các năm 2010, 2011 Công ty chủ yếu phát triển tăng công suất thức ăn cá và phát triển thêm thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm vì vậy nhu cầu vốn cũng không nhiều và dự tính Công ty sẽ không tăng thêm vốn điều lệ trong hai năm này.

15.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Nền kinh tế thế giới đang dần phục hồi, thị trường được mở lại dẫn đến nghề nuôi cá sẽ phục hồi và phát triển ổn định hơn. Thị trường thức ăn thủy sản theo đó cũng được phục hồi và phát triển trở lại.
- Trong thời gian vừa qua, các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản được xây dựng rất nhiều, gây ra dư thừa cung thức ăn và sự cạnh tranh ngày càng cao hơn. Tuy nhiên khi tỷ lệ lợi nhuận của nghề nuôi cá không còn cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro, đồng thời chỉ những người nuôi cá chuyên nghiệp, có năng lực tài chính mới trụ vững được trong thời gian qua thì người nuôi cá sẽ thận trọng hơn và chọn những sản phẩm chất lượng hơn. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng thị trường.
- Việc huy động vốn trong năm 2009 vừa qua đã tạo năng lực tài chính tương đối vững chắc để Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện các hạng mục phục vụ cho việc sản xuất. Điều này giúp nâng cao năng lực dự trữ nguyên vật liệu, giảm chi phí sản xuất và giảm giá thành sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh.
- Hiện nay, các Công ty chế biến thủy sản đều chú trọng đến quy trình sản xuất khép kín từ khâu cung cấp thức ăn, lựa chọn con giống cho đến khâu thành phẩm. Vì vậy, Công ty có chiến lược hợp tác, liên kết với các Công ty chế biến thủy sản đông lạnh lớn như Công ty cổ phần Hùng Vương nhằm tạo ra những mặt hàng thủy sản có giá trị cao.
- Trong thời gian sắp tới, Công ty dự định sẽ đầu tư thêm hệ thống sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm. Đây cũng là lĩnh vực mà Ban lãnh đạo Công ty có nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, với vị trí là trung tâm của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thì việc đưa sản phẩm đến người chăn nuôi trong vùng sẽ thuận lợi hơn do hầu hết các nhà máy chế biến thức ăn gia súc gia cầm đều tập trung ở các tỉnh Đồng Nam Bộ.

15.3 Kế hoạch đầu tư trong tương lai

- Tiếp tục nghiên cứu và đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào hoạt động sản xuất. tạo ra những sản phẩm mới, sản phẩm cho hiệu quả đầu tư của người chăn nuôi cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Cụ thể là Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhất tại Việt Nam (ISO 22000-2005) vào sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định.
- Liên kết với các vùng nuôi, các nhà máy Thủy sản đông lạnh để cung cấp thức ăn khép kín nhằm cho ra những sản phẩm cá sạch có giá trị cao và đảm bảo yêu cầu quản lý mới về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.
- Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua việc mở rộng hệ thống kênh phân phối, đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tiếp thị và hỗ trợ kỹ thuật cho người chăn nuôi.

- Chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Công ty. Quan tâm đến việc cải thiện môi trường làm việc và đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để họ thực sự gắn bó với Công ty. Qua đó, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành xem xét và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng cũng như về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Theo đó, trong thời gian sắp tới, Việt Thắng sẽ đầu tư hoàn thiện các hạn mục tự động hóa cao hơn để tiết kiệm chi phí, và sẽ phát triển thêm sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- Công ty đưa ra tỷ lệ cổ tức là 15% cho các năm 2010 - 2011. Với tỷ lệ này thì trung bình khoảng 40%-50% lợi nhuận theo kế hoạch của Công ty được sử dụng để trả cổ tức. Như vậy, đây là mức cổ tức hợp lý mà Công ty có khả năng chi trả và phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.
- Dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Việt Thắng và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và của nền kinh tế, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty là có tính khả thi nếu không có những biến động lớn ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Do phần lớn nguyên liệu được nhập khẩu nên biến động của tỷ giá ngoại tệ và lãi suất sẽ làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty).
- Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

- Cam kết thực hiện việc tăng vốn điều lệ qua hình thức chào bán riêng lẻ 3.000.000 cổ phần cho nhà đầu tư lớn trong năm 2010 với giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm chào bán theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 24/04/2010

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

- Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

18.025.509 (Mười tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm lẻ chín) cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

- Thành viên HĐQT, Ban GD, BKS, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do cam kết trên là **2.908.574 cổ phiếu** (chiếm 16,14 % VDL).

Bảng 23. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

TT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
1	Nguyễn Quang Hiền	CT HĐQT kiêm TGD	315.618	315.618 157.809	6 tháng 12 tháng
2	Lương Nam Hữu	Phó CT HĐQT	136.500	136.500 68.250	6 tháng 12 tháng
3	Mã Minh Quang	Ủy viên HĐQT	555.861	555.861 277.931	6 tháng 12 tháng
4	Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	852.952	852.952 426.476	6 tháng 12 tháng
5	Nguyễn Minh Bạ	Ủy viên HĐQT	725.140	725.140 362.570	6 tháng 12 tháng
6	Dương Ngọc Minh	Ủy viên HĐQT	100.000	100.000 50.000	6 tháng 12 tháng
7	Lê Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT	0	0 0	6 tháng 12 tháng
8	Huỳnh Dương Duy Tâm	Phó TGD	31.496	31.496 15.748	6 tháng 12 tháng
9	Vũ Đình Châu	Phó TGD	50.577	50.577 25.289	6 tháng 12 tháng
10	Phạm Xuân Tùng	Trưởng BKS	100.000	100.000 50.000	6 tháng 12 tháng

TT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
11	Nguyễn Văn Thành	Thành viên BKS	0	0 0	6 tháng 12 tháng
12	Võ Minh Phương	Thành viên BKS	0	0 0	6 tháng 12 tháng
13	Huỳnh Văn Hoàng	Kế toán trưởng	40.430	40.430 20.215	6 tháng 12 tháng
Tổng cộng			2.908.574		

Nguồn: Công ty CP Thủy sản Việt Thắng

5. Phương pháp định giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng được xác định là giá trung bình các kết quả được tính bởi 4 phương pháp: giá giao dịch trên thị trường không chính thức (OTC), giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu tại ngày 31/12/2009, giá so sánh P/E 2009 và giá so sánh P/E dự kiến năm 2010 với Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Do hiện tại ở Việt Nam chỉ có duy nhất Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (DBC) là doanh nghiệp đang niêm yết trên sàn chứng khoán có hoạt động kinh doanh tương đồng với Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng nên doanh nghiệp này được chọn để so sánh tính giá theo phương pháp P/E.

Đây chỉ là một trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra giá của Công ty CP Thủy sản Việt Thắng còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

a. Phương pháp so sánh P/E cho năm 2009

Mã CK	SLCP lưu hành bình quân 2009	LNST năm 2009 (tr.đồng)	EPS 2009 (*)	Giá CP (04/06/2010)	PE 2009
DBC	25,446,660	81.696.501.000	3.210	44.300	13,8

Nguồn: - Báo cáo tài chính của công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

(*) Lợi nhuận sau thuế 2009 của DBC được tập hợp dựa trên lũy kế lợi nhuận tham khảo từ báo cáo 4 quý năm 2009 của công ty.

- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong 12 tháng từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng.

Số CP lưu hành tại 1/1/2009	Số ngày lưu hành đến 31/12/2009	Tổng số CP dự kiến lưu hành trong 12 tháng
9.425.509	365	3.440.310.785
SLCP phát hành thêm	Thời điểm phát hành	

5.600.000	13/02/2009	322	1.803.200.000
3.000.000	09/09/2009	114	342.000.000
		SLCP lưu hành bình quân 12 tháng	15.302.769

Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng

- Chỉ số P/E của doanh nghiệp tương đương cùng ngành: 13,8x
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong 12 tháng từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng: 15.302.769 cổ phiếu
- Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu trong năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng là: $40.658.095.918 / 15.302.769 = 2.657$ đồng

Giá dự kiến cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng là: $2.657 \times 13,8 = 36.667$ đồng/cổ phiếu

b. Phương pháp so sánh P/E dự kiến cho 2010

Mã CK	SLCP lưu hành bình quân 2010 *	LNST dự kiến năm 2010 **	EPS dự kiến 2010	Giá CP (04/06/2010)	PE dự kiến 2010
DBC	25,446,660	89.400.000.000	3.513	44.300	12,61

* Giả thiết trong năm 2010 DBC không có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành

** Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2010 của DBC được tham khảo dựa trên kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2010 của DBC

- Chỉ số P/E của doanh nghiệp tương đương cùng ngành: 8,90x
- Dự kiến lợi nhuận năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng: 52.248.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu trong năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng: 21.025.509 cổ phiếu (giả thiết trong năm 2010 Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng chào bán riêng lẻ 3.000.000 CP)
- Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu dự kiến trong năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng là: $52.248.000.000 / 21.025.509 = 2.485$ đồng
- Giá dự kiến cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng là: $2.485 \times 12,61 = 31.336$ đồng/cổ phiếu

c. Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng tại 31/03/2010

- Vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Thủy sản Việt Thắng tại 31/03/2010 là: 298.124.684.550 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty cổ phần Thủy sản Việt Thắng tại 31/03/2010 là: 18.025.509 cổ phiếu
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy sản Việt Thắng tại 31/03/2010 là: $298.124.684.550 / 18.025.509 = 16.539$ đồng/cổ phiếu

c. Giá OTC:

- Tham khảo giá giao dịch của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng trên thị trường không chính thức tại thời điểm gần nhất với thời điểm niêm yết. Giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy sản Việt Thắng

trên thị trường OTC trong khoảng thời gian gần nhất với thời điểm niêm yết bình quân vào khoảng 20.000 - 21.000 đồng/cổ phiếu (Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng, SSI và các nguồn khác).

Tổng kết giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng

Phương pháp	Giá tham chiếu (đồng)
P/E 2009	36.667
P/E dự kiến 2010	31.336
Giá trị sổ sách tại 31/3/2010	16.539
Giá OTC	20.000 – 21.000

- Theo 04 phương pháp tính giá trên, giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng vào ngày giao dịch đầu tiên khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 20.725 đồng/cổ phiếu, được làm tròn là **21.000 đồng/cổ phiếu**

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy Sản Việt Thắng không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài, vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Thắng được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.
- Tại thời điểm chốt danh sách ngày 20/11/2009, Công ty không có cổ đông nào là tổ chức và cá nhân nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp:

- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 88/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn việc miễn giảm thuế theo quy định tại Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/08/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003. Cụ thể: Doanh nghiệp sản xuất được thành lập mới từ dự án đầu tư trong Khu công nghiệp được hưởng thuế suất. Thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi thành lập (2002-2013), miễn 100% Thuế thu nhập doanh nghiệp của 3 năm đầu tiên tính từ năm bắt đầu có lãi (2004-2006) và giảm 50% Thuế thu nhập doanh nghiệp của 7 năm tiếp theo (2007-2013).

- Thuế giá trị gia tăng: Theo quy định của Thông tư 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% cho các mặt hàng thức ăn thủy sản, một số nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và 10% cho bán phế liệu.
- Các loại thuế khác: Thuế môn bài, Công ty kê khai và nộp theo qui định.
- Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến chứng khoán: Theo qui định tại *Điều 3 Khoản 3 Điểm b. Khoản 4 Điểm b. Khoản 9. Khoản 10 Luật thuế thu nhập cá nhân*: thu nhập từ cổ tức. chuyển nhượng chứng khoán. nhận thừa kế. quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân
 - **Đối với thu nhập từ cổ tức:** Điều 7 Khoản 1 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thường chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.
 - Căn cứ để xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng và thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
 - Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.
 - Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế theo mức thuế suất 0.1% trên giá thực tế chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.
 - **Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** Điều 16 Khoản 1 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
 - Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100: Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì thuế suất áp dụng là 0.1% trên từng lần chuyển nhượng.
 - **Đối với thừa kế. quà tặng là chứng khoán:** Mục II Điều 7.1.4 Thông tư 84/2008/TT-BTC: thu nhập để tính thuế của chứng khoán là giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu.

Điều 7.2 Thông tư 84 thì Thuế suất áp dụng là 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chứng khoán: Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng. trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Điểm 2.2 Thông tư 130: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

Đối với tổ chức Việt Nam số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế TNDN} \end{array}$$

Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán: các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán: 0.1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.

- Qui định về giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân: *Theo qui định tại Điều 1 Khoản 1. Điều 2 Khoản 1 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân* thì cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009.

Khoản 3.3 Điều 2 Thông tư 27 thì số thuế được giãn nộp, cá nhân có thu nhập được giữ lại trong thời gian được giãn.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

Công ty cổ phần Thủy Sản Việt Thắng

Địa chỉ: Lô 4-2, Khu Công nghiệp C, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 84.67) 3764 159

Fax : (84.67) 3763 488

E-mail: vtf@vietthangfeed.com.vn

Website: www.vietthangfeed.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax: (84.8) 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821 8567

Fax: (84.8) 3291 0590

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3942 6718

Fax: (84.4) 3942 6719

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3569 123

Fax: (84.31) 3569 130

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi, TP Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3521 906

Fax: (84.31) 3521 907

Phòng giao dịch 3-2

Địa chỉ: Số 03 Đường 3-2, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3818 1450

Fax: (84.8) 3818 1451

Phòng giao dịch Hồng Bàng

Địa chỉ: 769 Hồng Bàng, Quận 6, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8)3969 5898

Fax: (84.8) 3969 5894

Phòng giao dịch PVFC (TPHCM)

Địa chỉ: Số 208 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3925 7778

Fax: (84.8) 3925 6861

Phòng giao dịch PVFC (Hà Nội)



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Tầng trệt, Toà nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3794 0112

Fax: (84.4) 3794 0114

3. Tổ chức kiểm toán

Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi. Quận 1. TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 38 272 295

Fax: (84.8) 38 272 298 – 38 272 300

Website: auditconsult.com.vn



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày... tháng năm 2010

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HIỀN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM XUÂN TÙNG

HUỲNH VĂN HOÀNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN HỒNG NAM



BẢN CÁO BẠCH

Tp Hồ Chí Minh, ngày... tháng năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

KIỂM TỌNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG HIẾN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



PHẠM XUÂN TÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH VĂN HOÀNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

KIỂM TỌNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỒNG NAM

VII. PHỤ LỤC

<u>Phụ lục</u>	Danh mục các tài liệu
1	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất
2	Điều lệ Công ty phù hợp Điều lệ mẫu
3	Nghị quyết ĐHCĐ thông qua việc niêm yết
4	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010
5	Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009;
6	Báo cáo tài chính Q1/2010